

Môn văn



TỦ SÁCH SỬ PHẠM CÁNH BUỒM

**CẨM NANG
SỬ PHẠM**

Tập 3
MÔN VĂN

(Bậc tiểu học - Chương trình Giáo dục Hiện đại)

Nhà xuất bản Tri thức – Hà Nội, 2013

.....

**Giáo dục Tiểu học ổn định và bảo đảm chất lượng
thì toàn bộ nền giáo dục mới được ổn định,
mỗi gia đình ổn định, cả xã hội cùng ổn định.**

.....



CẨM NANG SỬ PHẠM – MÔN VĂN
© Nhóm Cánh Buồm, 2013

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chép, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không có sự cho phép của Nhóm Cánh Buồm là vi phạm bản quyền.

Liên lạc:

Chương trình Giáo Dục Hiện Đại – Nhóm Cánh Buồm

Email: lienhe@hiendai.edu.vn

Website: www.canhbuom.edu.vn

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM TOÀN, NGUYỄN THỊ THANH HẢI
và ĐÌNH PHƯƠNG THẢO

Minh họa:

NGUYỄN PHƯƠNG HOA

Đôi lời với bạn dùng sách

Bạn thân mến, đây là loại sách gì?

Đây là sách sư phạm, hướng dẫn cách dùng bộ sách tiểu học của nhóm Cánh Buồm.

Đặt tên sách là *Cẩm nang sư phạm* vì nó thiết thực, dễ hiểu, giản dị, bạn sẽ tự đọc sách này và tự huấn luyện mình.

Song song với bộ cẩm nang này ở dạng sách in trên giấy là những bài học sư phạm thực hành công bố trên trang mạng www.canhbuom.edu.vn của chúng tôi.

Sách này viết cho ai?

Sách này viết cho tất cả những ai muốn trực tiếp tham gia vào công cuộc giáo dục nước ta. Cụ thể, đó là:

1. Những giáo viên đang đứng lớp muốn dùng sách Cánh Buồm để tự mình nâng cao chất lượng cho học sinh của mình;
2. Những phụ huynh muốn nâng cao chất lượng cho con em mình;
3. Những giáo sinh sư phạm và những nhà nghiên cứu muốn thử nghiệm giải pháp cho một nền Giáo dục hiện đại.

Bạn nên ghi nhớ lời dặn căn bản này:

.....

Sư phạm hiện đại tổ chức hoạt động tự học của trẻ em!

.....

Bộ sách Cẩm nang sử phạm Cánh Buồm gồm 4 tập:

1. Tập 1: Giải thích Giáo dục Hiện đại là gì?
2. Tập 2: Hướng dẫn dùng sách Tiếng Việt
3. Tập 3: Hướng dẫn dùng sách Văn
4. Tập 4: Hướng dẫn dùng sách Lời sống

Tập 3 này hướng dẫn bạn tổ chức cho học sinh **tự học môn Văn** ở bậc tiểu học.

.....

**Ở bộ sách Cánh Buồm chương trình học in ngay ở bìa sách,
nêu rõ mục tiêu – nhiệm vụ của năm học đối với từng bộ môn**

.....

- Các em cần biết rõ nhiệm vụ học tập cả năm của mình.
- Giáo viên cần biết rõ để tổ chức cho học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập cả năm của các em.
- Phụ huynh cần biết rõ để theo dõi nhiệm vụ học tập cả năm của con em mình.



.....

**Cuốn sách cẩm nang này hướng dẫn bạn tổ chức cho học sinh
tự học môn văn ở bậc tiểu học theo bộ sách Cánh Buồm**

.....

Sách được chia làm hai phần

- Phần một: Tổng quan về sự phạm và việc tổ chức học văn ở bậc tiểu học
 - Phần hai: Cách tổ chức hoạt động học văn Cánh Buồm từ lớp 1 đến lớp 5
- Gồm hai nội dung chính:
- Những yêu cầu sự phạm chung trong cách tổ chức việc học Văn
 - Một số bài thiết kế giờ học mẫu

Chúc các bạn thành công!

Phần 1

Tổng quan về sư phạm và việc tổ chức hoạt động học môn văn ở bậc tiểu học

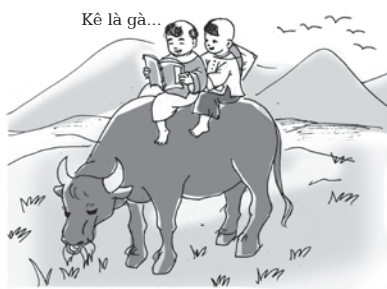
I. Hoạt động sư phạm theo quan điểm Giáo dục hiện đại

Hoạt động dạy học theo truyền thống là sự truyền thụ kiến thức của người dạy cho người học. Sự truyền thụ đó là một chiều và hình thức chủ yếu là giảng giải.

Thời phong kiến, các thầy đồ thể hiện rõ quyền uy tối thượng của mình đối với học trò từ chỗ ngồi đến cây roi và đặc biệt là kiến thức.

Ngày nay, việc học ở nhà trường thoát nhìn đã khác hoàn toàn so với ngày xưa, có trường lớp, phấn bảng, sách vở, đồ dùng học tập... Đặc biệt giáo viên nắm trong tay nhiều loại phương tiện dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu... nhưng cách dạy – cách học thì gần như không thay đổi, và hậu quả là sản phẩm giáo dục qua các thời kỳ cũng không mấy khác nhau.





Giáo dục hiện đại thay đổi quan niệm dạy học, coi việc dạy học không còn là truyền thụ kiến thức mà là tổ chức hoạt động học cho người học tự tìm ra kiến thức. Từ đó, các em học được phương pháp học để có thể tự học suốt đời.

Hoạt động học mà người dạy tổ chức ở nhà trường là một chuỗi hoạt động, trong đó, theo sự dẫn dắt, tổ chức của giáo viên, người học từng bước tự tạo lập ra khái niệm, tự luyện tập và tích lũy. Hoạt động đó diễn ra hai chiều tương tác bình đẳng giữa thầy – trò, trò – trò.

Thay cho lời giảng giải, các hoạt động học trong mỗi tiết học diễn ra bằng các **việc làm** sau:

- **Việc 1:** giao nhiệm vụ. Giáo viên giao nhiệm vụ của tiết học cho học sinh thực hiện. Kết thúc công việc này là một sản phẩm do chính tay học sinh làm ra (tìm ra).
- **Việc 2:** làm mẫu thao tác học. Giáo viên làm mẫu cái thao tác học để nhờ đó mà hoàn thành nhiệm vụ (tạo ra sản phẩm) – ví dụ làm mẫu thao tác phát âm, thao tác phân tích...

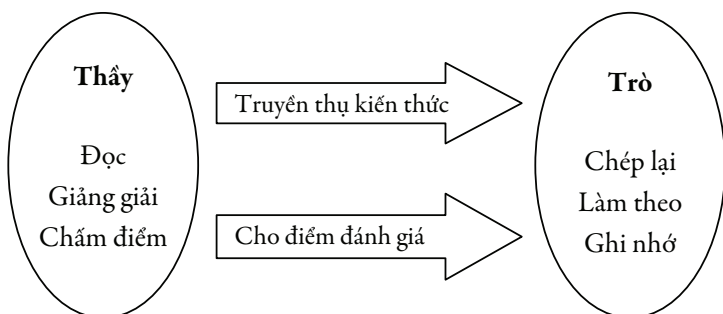
Tiếp đó, học sinh tiến hành các thao tác học, được chia ra như sau:

- **Thao tác với vật thật để học cách phân tích mẫu.**
- **Thao tác vật chất, cụ thể, bằng cơ bắp với các vật liệu – có kèm theo lời nói mô tả thao tác mình đang tiến hành.**
- **Thao tác thầm, nhắm mắt nghĩ trong đầu những việc đã làm, suy nghĩ về kết quả đã tìm ra.**
- **Việc 3:** thu hoạch. Học sinh tự trình bày những điều đã tìm ra. Việc ghi lại các kết quả (sản phẩm) không nhất thiết phải bằng lời, hoặc bằng cách ghi bài, càng không

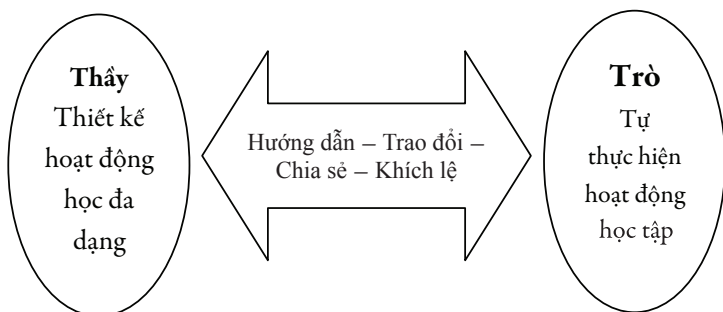
bao giờ bằng cách chép bài theo lời tóm tắt của giáo viên. Học sinh sẽ tự ghi lại sản phẩm của mình bằng vài cách, ví dụ:

- Tự “ghi” bằng đóng kịch, kịch câm, kịch nói.
- Tự “ghi” bằng vẽ, vẽ tranh, làm tranh truyện.
- Tự ghi bằng sưu tầm, điều tra.
- Tự ghi bằng tổ chức tranh luận, thậm chí tự tổ chức diễn đàn Hội thảo khoa học (từ lớp 5).
- Tự “ghi” nhận thức bằng lời nói và sau đó là bài tự viết.

GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG



GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI



II. Vấn đề dạy Văn trong nhà trường

1. Tại sao lại học môn văn?

Hầu như ai cũng phát biểu được rằng “Học văn là học làm người” mà không thấy được việc “học làm người” của môn văn khác như thế nào so với việc “học làm người” của các môn khác. Xác định việc học văn để làm gì sẽ khiến người dạy văn quyết định dạy cái gì và dạy như thế nào.

Môn văn từ xưa tới nay vốn rất được coi trọng ở đất nước ta. Chế độ khoa cử thời phong kiến đào tạo và lựa chọn nhân tài chủ yếu chỉ dựa trên việc học và thi môn văn qua việc làm thơ, ứng đối... Trong bài thơ dạy trẻ con học chữ nho còn khẳng định rõ “Thiên tử trọng hiền hào – Văn chương giáo nhĩ tào” (*Nhà vua trọng kẻ hiền – Lấy văn chương dạy chúng mày*)...

Trong nhà trường ngày nay, môn văn vẫn được xếp vào một trong những “môn chính” nhưng nội dung dạy học thì đã khác và cũng được gọi bằng một cái tên khác: Ngữ văn. Môn Ngữ văn xác định mục tiêu là “giúp học sinh cách thức tiếp nhận và tạo lập các văn bản; coi trọng không chỉ văn chương hình tượng mà còn các loại văn bản khác đa dạng và gần gũi hơn với cuộc sống đời thường”. Quan điểm này đã khiến người học lạc lối trong lãnh địa của từng môn và góp phần nảy sinh chán ghét văn chương do không xác định được mục tiêu môn học.

Chương trình Giáo dục hiện đại của nhóm Cánh Buồm không nhập chung “văn” và “ngữ”. Đó là hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau. “Ngữ” thuộc lĩnh vực khoa học (khoa học

ngôn ngữ), học sinh học ngôn ngữ với phương pháp chiếm lĩnh một môn khoa học, còn “Văn” thuộc lĩnh vực nghệ thuật (nghệ thuật ngôn từ) nơi học sinh tiếp cận theo con đường nghệ thuật. Học ngôn ngữ, người học phải chiếm lĩnh được phương pháp học ngôn ngữ, gửi trong hệ thống đối tượng của ngôn ngữ: âm, từ, câu, văn bản và các ứng dụng ngôn ngữ. Cái đọng lại cuối cùng của môn học này là tư duy khoa học ngôn ngữ (tư duy phân tích).

Đối tượng văn đích thực là cái tình cảm người được gửi gắm trong cách biểu đạt ngôn ngữ mang tính nghệ thuật. Học văn để có một tấm lòng đồng cảm trước cuộc đời và giúp các em chiếm lĩnh được phương pháp học văn gửi trong con đường làm ra một tác phẩm nghệ thuật của người nghệ sĩ (ngữ pháp nghệ thuật). Và cái đọng lại cuối cùng ở người học là một tâm hồn nhân văn và cách biểu đạt đầy tính nghệ thuật. Học văn, xét đến cùng, là để trẻ em biết cách làm ra cái Đẹp.

Làm ra cái đẹp nghệ thuật không phải chỉ là lãnh địa của riêng văn học, chúng ta chọn học môn văn như là cái mẫu để học tất cả các môn nghệ thuật khác. Văn sở dĩ có thể đem ra học như một cái mẫu về giáo dục nghệ thuật vì quá trình làm ra nó bao hàm toàn bộ các bước, các thao tác của người nghệ sĩ khi làm ra tác phẩm nghệ thuật với một chất liệu sẵn có (ngôn từ), dễ dàng lưu trữ, di chuyển...

Học Văn ở bậc tiểu học nhằm mục đích gì?
Học Văn là học cái MẪU để Giáo dục Nghệ thuật
nhằm

- **Tự tạo ra TÌNH CẢM nghệ thuật**
- **Tự trang bị NGŨ PHÁP nghệ thuật**
- **Để có TƯ DUY NGHỆ THUẬT**
- **Để biết cách làm ra cái ĐẸP nghệ thuật**

2. Chương trình học môn văn ở bậc tiểu học

Chương trình hiện hành không có môn văn cho bậc tiểu học. Hiện nay, nhà trường tiểu học chỉ dạy học sinh môn Tiếng Việt với các phân môn: Tiếng Việt, Tập làm văn và Văn học, nhưng phần Văn học không có bài học riêng mà nhập chung vào vật liệu của Tiếng Việt. Mục tiêu việc học văn ở tiểu học hiện nay vẫn chỉ dừng lại ở mức độ sau:

– Lớp 1: Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ về nhà trường, gia đình, thiên nhiên, đất nước.

– Lớp 2: Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ ngắn về cuộc sống của thiếu nhi trong gia đình, trường học, về thế giới tự nhiên và xã hội.

– Lớp 3: Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ ngắn về lao động sản xuất, văn hóa xã hội, bảo vệ tổ quốc; nhân vật trong truyện, vần trong thơ.

– Lớp 4: Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ, màn kịch về thiên nhiên, đất nước con người, và một số vấn đề xã hội có tính thời sự; sơ giản về cốt truyện và nhân vật, lời kể chuyện và lời nhân vật.

– Lớp 5: Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ, màn kịch về tự nhiên, xã hội, con người (chú trọng các văn bản về quyền và nghĩa vụ công dân, quyền trẻ em, tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc, bảo vệ hòa bình, bảo vệ môi trường); đề tài, đầu đề văn bản.

Tất cả đều nhằm hướng đến mục tiêu cao nhất của môn Tiếng Việt là hình thành bốn kĩ năng: Nghe – nói – đọc – viết cho học sinh; từ đó học sinh có thể sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ, phục vụ các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống.

(Dẫn theo Chương trình Giáo dục phổ thông – cấp Tiểu học – Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ giáo dục Đào tạo – NXB Giáo dục Việt Nam, 2006).

Theo nội dung trên, có thể thấy, trong suốt giai đoạn tiểu học, học sinh không hề được học Văn theo đúng nghĩa là một môn nghệ thuật. Vậy đợi đến lúc nào các em mới được học?

Chương trình Giáo dục hiện đại tách riêng Văn và Ngữ, môn văn được học với tư cách là một môn nghệ thuật, và được học ngay từ lớp 1. Học văn là cái mẫu để giáo dục nghệ thuật, giúp trẻ em am hiểu nghệ thuật ở trình độ phổ thông, bằng cách giúp người học tự làm ra cái Đẹp nghệ thuật.

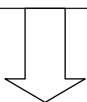
Chính vì thế, chương trình Văn tổ chức cho học sinh đi lại con đường mà người nghệ sĩ đã đi trong quá trình tạo ra tác phẩm nghệ thuật.

Con đường sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ như thế nào?

Lòng đồng cảm

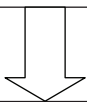
là cái nền của **tình cảm** nghệ thuật.

Với lòng đồng cảm, người nghệ sĩ có **cảm hứng** để làm ra tác phẩm.



Trong quá trình làm ra tác phẩm,
người nghệ sĩ thực hiện ba thao tác
tạo thành một NGỮ PHÁP NGHỆ THUẬT

- **Tưởng tượng** để tạo ra một hình tượng.
- **Liên tưởng** để tạo ra ý cho hình tượng.
- **Sắp xếp** các ý (**bố cục**) để tạo ra một tư tưởng cho cả tác phẩm.



Tạo thành tác phẩm

thuộc các loại hình nghệ thuật khác nhau.

Việc học văn của học sinh là làm lại dần dần các bước đó để tự mình tham gia vào công việc LÀM RA CÁI ĐẸP NGHỆ THUẬT. Chương trình học, vì thế sẽ được cấu tạo như sau:

LỚP 1

ĐỒNG CẢM

Lớp 1, các em bắt đầu học văn, phải tạo dựng được cho các em cái gốc của việc học văn đó là lòng đồng cảm.

ĐỒNG CẢM là một tình cảm của con người và chỉ con người mới có tình cảm đó.

Con vật không bao giờ có lòng đồng cảm. Con vật có thể nhìn đồng loại chết, thậm chí mẹ nhìn con chết, con nhìn mẹ chết, mà không mảy may động lòng.

Con người, nếu thơ đại quá, thì cũng chưa có nỗi lòng đồng cảm – nhiều em nhỏ vẫn tỏ ra không xúc động trước nỗi đau xảy đến với người thân.

Con người lớn lên, nếu không được giáo dục tử tế, thì cũng khó có nỗi lòng đồng cảm. Những con người đó sẽ trở nên vô cảm trước cuộc đời vui buồn của con người.

Nhưng ĐỒNG CẢM trong công việc *giáo dục nghệ thuật* có cách biểu hiện khác với lòng đồng cảm mang tính đạo đức. Khi giáo dục nghệ thuật cho con trẻ, chúng ta tạo ở con em một lòng đồng cảm mang tính *mỹ cảm*.

Chúng ta cần tổ chức công việc giáo dục nghệ thuật ngay từ lớp 1 và ngay từ độ tuổi này các em đã có ý thức đồng cảm như biểu hiện ở những nghệ sĩ lớn của loài người.

Lớp 2

TƯỞNG TƯỢNG

Đối với mỗi người, “tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức” (Albert Einstein).

Đối với người nghệ sĩ, tưởng tượng là khả năng quan trọng nhất trong việc tạo nên hình tượng nghệ thuật – cách biểu đạt đặc trưng của mọi tác phẩm nghệ thuật.

Không phải là thứ tưởng tượng thụ động mà là tưởng tượng sáng tạo, tưởng tượng là để tạo ra một cái gì sáng tạo (tưởng tượng phóng túng).

Bằng thao tác tưởng tượng, trẻ em tự tạo ra cho mình những hình tượng như là xương cốt quan trọng hàng đầu của mọi công trình nghệ thuật.

Lớp 3

LIÊN TƯỞNG

Bản thân các hình tượng rời rạc chưa biểu đạt được ý nghĩa.

Bằng thao tác liên tưởng, trẻ em học cách tự tạo ra những ý nghĩa cho mọi hình tượng nghệ thuật.

LỚP 4

SẮP XẾP (BỐ CỤC)

Thao tác liên tưởng đem lại một ý nghĩa cho hình tượng, ý nghĩa này vẫn còn rộng, chưa thành hệ thống, chưa mang tính khái quát.

Thao tác sắp xếp buộc người nghệ sĩ phải tuân thủ những nguyên tắc về bố cục nhất định, nhờ đó mà tác phẩm được biểu đạt một cách sáng rõ, chặt chẽ, súc tích.

Thao tác sắp xếp (bố cục) tạo ra chủ đề, tư tưởng cho tác phẩm.

LỚP 5

CÁC HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Có lòng đồng cảm với các nỗi niềm của con người, em dùng ba thành tố của ngữ pháp nghệ thuật để tự tạo ra những cách biểu đạt nghệ thuật khác nhau: Âm nhạc, Múa, Tạo hình, Tự sự, Trữ tình, Kịch.

Có thể sơ đồ hóa lộ trình học văn Cánh Buồm như sau:

Lớp 1: Đồng cảm – Tạo ra tình cảm nghệ thuật Được thực hiện qua trò chơi đóng vai	
Lớp 2: Tưởng tượng	Ba thao tác của ngữ pháp nghệ thuật tạo năng lực diễn đạt tình cảm một cách nghệ thuật - Năng lực tưởng tượng – tạo ra một hình tượng - Năng lực liên tưởng – tạo ra một ý - Năng lực bố cục – tạo ra một chủ đề
Lớp 3: Liên tưởng	
Lớp 4: Sắp xếp (Bố cục)	
Lớp 5: Ngữ pháp nghệ thuật trong các loại hình nghệ thuật	

Bạn sẽ thấy rõ sự khác biệt giữa môn văn (là một môn nghệ thuật) và môn Tiếng Việt (là một môn khoa học) ở đối tượng chiếm lĩnh như sau:

Lớp	Môn Tiếng Việt	Môn Văn
Lớp 1	Ngữ âm	Đồng cảm
Lớp 2	Từ	Tưởng tượng
Lớp 3	Câu	Liên tưởng
Lớp 4	Văn bản	Bố cục (sắp xếp)
Lớp 5	Các dạng hoạt động tiếng Việt	Các dạng hoạt động nghệ thuật

3. Tổ chức việc học Văn như thế nào?

Tiếp cận tác phẩm văn chương lâu nay có nhiều cách, nhiều ngã đường, nhưng học sinh đến trường tiếp cận với văn chương hầu như chỉ qua một lối duy nhất, đó là thầy giáo của mình.

Có thể tóm gọn trong một câu cách dạy văn lâu nay: Thầy bình văn tùy hứng – Trò ghi chép và nhại lại. Người thầy dạy văn giỏi là người thẩm bình hay và giảng giải lại điều đó cho học sinh một cách cuốn hút, hấp dẫn. Lối dạy văn thẩm bình, giảng giải đó đã duy trì hàng trăm năm đến nay vẫn được xem là chuẩn mực trên bục giảng.

Trong giờ học văn, học sinh thụ động ghi chép theo lời giảng của giáo viên, đến kỳ thi trả bài theo đúng những điều giáo viên đã truyền thụ là được cho điểm cao. Những giờ học văn đó chỉ có thể cho ra đời những sản phẩm thụ động, vô hồn, vô cảm.

Dạy văn theo lối cũ chỉ giúp người học thưởng thức, tán tụng được vẻ vẻ đẹp văn chương. Đó không phải là mục đích của giáo dục. Việc học ở nhà trường nhằm mục đích cải biến tư duy của con người. Nếu với các môn khoa học, học sinh cần được trang bị tư duy khoa học thì với các môn nghệ thuật, cái cần đạt đến nhất là tạo ra tư duy nghệ thuật trong mỗi cá nhân người học. Tư duy nghệ thuật đó không thể có được bằng cách tán tụng, thưởng thức cái Đẹp của người khác làm ra.

Cùng đọc lại một đoạn trong phóng sự tiểu thuyết *Lều chõng* của Ngô Tất Tố viết năm 1939 mô tả cảnh bình văn của cụ bảng Tiên Kiều.

“Theo lệ hàng ngày, mỗi buổi đều đọc đủ ba thứ sách: kinh, truyện và sử.

Hôm nay bắt đầu đọc Kinh Dịch, rồi đến sách Trung dung rồi đến cuốn Tổng sử. Mỗi khi đọc hết bài cái, bài bàn của một chương nào trong sách, cả trường im lặng như tờ. Mấy trăm con mắt đều chăm chỉ ngó vào cuốn sách của mình. Mấy trăm lỗ tai đều bình tĩnh đợi nghe lời giảng của thầy. Bằng cái giọng sang sảng như tiếng chuông đồng, cụ bảng giảng rất rành mạch từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, từ nghĩa gần đến nghĩa xa, cụ chỉ rõ ràng lời bàn nào là phải, lời bàn nào là quấy. Cụ nói như rót vào tai học trò...”

(Trích *Lều chõng* – Ngô Tất Tố)

Theo lý thuyết hoạt động, tư duy con người chỉ cải biến qua hoạt động của chính họ. Vì thế người học phải tự mình làm ra cái Đẹp nghệ thuật, không phải để các em trở thành người nghệ sĩ mà đó là con đường để hiểu được nghệ thuật, tạo cho các em có được một tầm nghệ thuật phổ quát của con người.

Làm bằng cách nào? Bằng cách đi lại con đường người nghệ sĩ đã đi khi họ tạo ra tác phẩm nghệ thuật. Người nghệ sĩ trải qua bao nhiêu thao tác thì người học làm lại theo đúng quy trình đó.

Vậy công việc của người dạy văn là gì? Ở bậc tiểu học, người dạy văn tổ chức các hoạt động cho học sinh thực hiện lần lượt các thao tác để có được tư duy nghệ thuật.

(1)

Dùng các trò chơi đóng vai để
tạo lòng đồng cảm.

(2)

Trong quá trình làm ra tác phẩm,
người nghệ sĩ thực hiện ba thao tác
tạo thành một NGỮ PHÁP NGHỆ THUẬT.

Nay tổ chức cho học sinh làm lại dần dần ba thao tác đó để tự
mình tham gia vào công việc

LÀM RA CÁI ĐẸP NGHỆ THUẬT
chứ không nhại lại những lời bình của người khác
về nghệ thuật.

(3)

Tổ chức các hoạt động nghệ thuật
để học sinh thực hiện các thao tác ở ngoài hình nghệ thuật
và niềm vui buồn yêu ghét của chính các em.

Tổ chức thực hiện như thế nào?

Bước (1)

.....

Tạo lòng đồng cảm phải thực hiện ngay từ khi trẻ mới bước vào lớp 1, mới bắt đầu được giáo dục nghệ thuật. Vì đó là cái nền, cái gốc của việc học văn.

Bước (2)

.....

Thực hiện cho học sinh lớp 2, lớp 3, lớp 4 tương ứng với 3 thao tác của ngữ pháp nghệ thuật:

- **Thao tác 1 – yếu tố 1 của ngữ pháp nghệ thuật:**
Tưởng tượng – làm việc thẩm trong đầu → tạo ra một hình tượng
- **Thao tác 2 – yếu tố 2 của ngữ pháp nghệ thuật:**
Liên tưởng – thay hình tượng này bằng một hình tượng khác → tạo ra một ý
- **Thao tác 3 – yếu tố 3 của ngữ pháp nghệ thuật:**
Sắp xếp – tạo bố cục cho các ý → tạo ra tư tưởng, chủ đề cho cả tác phẩm

Bước (3)

.....

Tổ chức các hoạt động nghệ thuật cho học sinh lớp 5 để các em:

- vui buồn cùng tiếng nói của âm thanh (nghệ thuật âm nhạc),

- vui buồn cùng tiếng nói của cơ thể (nghệ thuật nhảy múa),
- vui buồn cùng tiếng nói của màu sắc, hình khối (nghệ thuật tạo hình),
- vui buồn cùng lời kể chuyện (nghệ thuật tự sự),
- vui buồn cùng tiếng thơ (nghệ thuật trữ tình),
- diễn xuất những xung đột trong đời (nghệ thuật kịch).

Tổ chức toàn bộ nội dung trên tuân thủ các nguyên tắc sau:

☑ **Theo đúng quy trình**

Người dạy văn cần nhớ rằng, quá trình tạo ra tác phẩm nghệ thuật của người nghệ sĩ là việc hết sức bí ẩn, riêng tư nhưng khi tổ chức cho con em mình làm lại quá trình đó thì các thao tác phải hết sức rõ ràng, công khai hóa hết mức có thể.

Việc học là việc chiếm lĩnh đối tượng, với đối tượng Văn là cái đẹp nghệ thuật, cần tổ chức cho trẻ làm lại các thao tác mà người nghệ sĩ đã làm trong quá trình sáng tạo theo một trình tự không thể đảo ngược:

(1) Cảm hứng → (2) Hình tượng → (3) Ý → (4) Tư tưởng – chủ đề → (5) Tác phẩm.

Vì thế người học cần làm các thao tác theo đúng trình tự để có được “chuỗi sản phẩm” trên:

(1) Đóng vai tạo lòng đồng cảm → (2) Tưởng tượng tạo ra hình tượng → (3) Liên tưởng tạo ra ý → (4) Sắp xếp tạo ra chủ đề → (5) Hoạt động nghệ thuật theo các dạng khác nhau tạo ra sản phẩm nghệ thuật.

Mục tiêu của quy trình đó không phải để tạo ra những người nghệ sĩ, mục tiêu là để trang bị cho trẻ em sự hiểu biết về nghệ thuật, hiểu biết bằng cách làm ra nó, tư thế của người hiểu biết một cách chủ động và sáng tạo.

☑ Không giảng giải

Nhắc lại điều này không thừa, vì với văn chương nghệ thuật người ta thường có xu hướng đem cái hiểu biết của mình giảng giải cho người chưa biết mà không nhận thức được rằng, với trẻ em, càng giảng giải càng làm cho các em rối vì mê cung chữ nghĩa. Ví dụ, với khái niệm tưởng tượng, nếu giảng cho các em định nghĩa theo từ điển “tưởng tượng là một quá trình nhận thức phản ánh những cái chưa từng có trong kinh nghiệm của cá nhân bằng cách xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở những hình ảnh (biểu tượng) đã có” thì chắc chắn không một em học sinh lớp 2 nào có thể hiểu được. Nhưng nếu tạo ra các việc làm/ hoạt động cho trẻ em thực hiện thì em nào cũng làm được. Với khái niệm tưởng tượng, chỉ cần mấy phút như sau:

- *Cô muốn có mấy bông hoa để cắm trên bàn, các em hãy đi tìm hoa về cắm, nhưng chúng ta chưa đi thật, các em hãy ngồi yên, trật tự, nhắm mắt lại, nghĩ xem mình sẽ đi đến đâu, hái hoa gì... 5 phút bắt đầu!*
- *Đã hết 5 phút, các em mở mắt ra và mô tả lại con đường đi tìm hoa của em.*
- *Việc em đi tìm hoa về chỉ diễn ra trong đầu, cách làm việc thắm trong đầu như thế gọi là tưởng tượng. Nhắc lại, tưởng tượng là làm việc thắm trong đầu.*

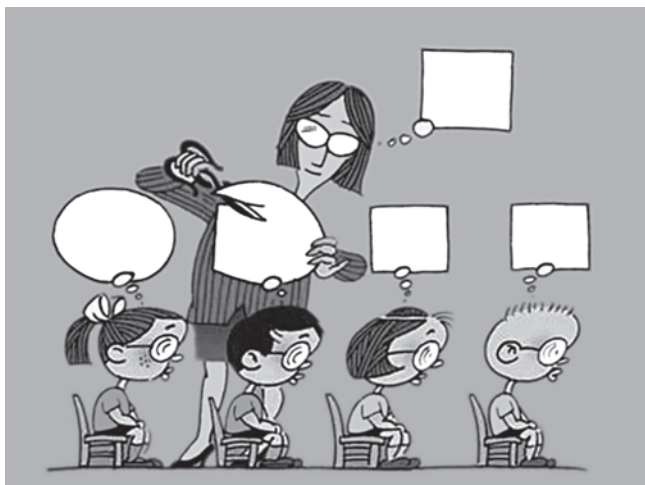
Tất cả bí quyết của nhà sư phạm hiện đại là tổ chức cho

học sinh tự làm ra khái niệm. Khi các nhà nghiên cứu sư phạm đã tìm ra các thao tác học (các việc làm) rồi thì ai cũng có thể tổ chức cho con em mình học được.

☑ **Không áp đặt**

Một cái khó chung của nhiều người lớn là luôn có xu hướng áp đặt kinh nghiệm của mình cho trẻ con, lấy kinh nghiệm và hiểu biết của mình làm thước đo chuẩn mực cho các hoạt động của con em. Trong khi tổ chức việc học cho con em mình cũng vậy, đúng – sai, hay – dở là do người lớn quyết định. Đó là một sai lầm.

Giáo dục hiện đại tôn trọng cá nhân người học. Các em được quyền học theo sức mình và học theo sở trường, theo sở thích, theo tâm hồn, tình cảm, tính cách của các em và để trở thành chính các em.



Tranh biếm họa về lối giáo dục áp đặt – Nguồn: internet.

4. Cách kiểm tra, đánh giá hoạt động học văn

Xưa nay, cách kiểm tra đánh giá chỉ có hai loại, “kiểm tra miệng” và “làm bài viết”. Học sinh được coi là hoàn thành nhiệm vụ học tập khi nói / viết được đúng như bài giảng của thầy cô.

Với các bài viết tập làm văn, dù là miêu tả, kể chuyện hay phát biểu cảm nghĩ... cũng đều có ba-rem cho điểm dựa trên hệ thống ý. Bài viết được đánh giá cao là bài viết đủ ý, sát ý theo ba-rem, nếu có sáng tạo cũng không đi ra ngoài khuôn khổ suy nghĩ của người chấm.

Cách tổ chức học văn theo quan điểm Giáo dục hiện đại có những khác biệt là:

- không tập làm văn theo mẫu
- không cho điểm, không chê bai
- không áp đặt hình thức biểu đạt

Đánh giá mức độ tiếp thu bài học của học sinh **không đánh giá ở sản phẩm cuối cùng mà là đánh giá qua quá trình thực hiện các thao tác để làm ra sản phẩm** của em học sinh đó. Người học chỉ có thể thực hiện được thao tác tiếp theo khi nắm được thao tác trước. Và đánh giá là dựa trên năng lực của từng em, không có mặt bằng chung cho tình cảm nghệ thuật.

Sau khi thực hiện các hoạt động, các thao tác học, người học tự do lựa chọn cách ghi lại những điều vừa học được theo cách riêng của mình. Có thể viết một câu chuyện, vẽ một bức tranh hay diễn lại bằng vở kịch... miễn sao người học thể hiện được khái niệm mà mình vừa tìm với tất cả tâm hồn, tình cảm của mình. Điều đó sẽ phát huy được khả năng của từng em và thể hiện sự tôn trọng con người cá nhân của trẻ.

Thầy cô, bố mẹ, ông bà... không cho điểm, chỉ chia sẻ với con em mình về điều các em làm được, tức là chia sẻ với các em sự thay đổi trong tâm lý, nhận thức của chính con người đó. Hành động cho điểm, nếu có ý khuyến khích trẻ (nếu điểm cao) thì lại có khi làm tổn thương trẻ (nếu điểm thấp) và trên hết là tình cảm nghệ thuật thì khó mà định lượng cho chính xác được. Cần có những hình thức khích lệ động viên nhân văn hơn: cho người học thêm cơ hội thể hiện mình. Chẳng hạn, “Em đóng vai rất tốt, cô mời em đóng thêm một vai nữa!” hoặc “Con có một hình tượng thật độc đáo, liệu con có thể tưởng tượng ra một hình tượng khác nữa không?”...

Đánh giá chỉ nên bắt đầu từ mức độ Bình thường và tăng dần:

- Đúng
- Hay
- Rất hay.

Tùy theo hoạt động mà có ba nguồn đánh giá:

- Thầy cô đánh giá
- Bạn bè đánh giá
- Tự đánh giá

Trong đó việc tự đánh giá là quan trọng nhất, vì việc học văn, xét đến cùng là để tự hiểu mình, tự biết mình.

Tóm lại, người tổ chức hoạt động học văn cho trẻ em cần nắm vững các vấn đề sau:

- Nhiệm vụ học tập môn văn của con em mình theo tâm lý lứa tuổi.
- Các thao tác để làm ra sản phẩm nghệ thuật và các hoạt động để thực hiện các thao tác đó.
- Các hình thức luyện tập để nắm vững khái niệm.
- Kiểm tra, đánh giá, chia sẻ, khích lệ, động viên.

Một người tổ chức hoạt động học văn cho con em **đạt yêu cầu** là người thực hiện được các việc trên theo các mức độ tăng dần:

- mức độ **thô** – đảm bảo đủ các bước hoạt động.
- mức độ **tinh** – tổ chức thực hiện đầy đủ, nhuần nhuyễn các hoạt động, khích lệ được tinh thần làm việc của các em.
- mức độ **thuần thực** – tổ chức đầy đủ, nhuần nhuyễn, tinh tế nắm bắt tâm lý, năng lực của trẻ, kích thích được sự sáng tạo của trẻ.

Mức độ tăng dần phụ thuộc vào việc thầy cô, ông bà, bố mẹ, anh chị... hướng dẫn con em mình thực hiện được các hoạt động một cách nhuần nhuyễn và thực hiện **ngày càng tinh tế hơn**.

Người tổ chức hoạt động học cho trẻ em có **tay nghề giỏi** là người:

- Thực hiện được đúng, nhuần nhuyễn các hoạt động học cần thiết cho học sinh.
- Lý giải được tại sao mình làm như thế, tức là nắm được về lý luận dạy học hiện đại (dựa trên cơ sở tâm lý học, giáo dục học... như thế nào).
- Từ đó, có những sáng tạo, đóng góp, cải tiến chương trình và hoạt động học cho trẻ em.

Phần 2

Cách tổ chức hoạt động học văn theo chương trình Cánh Buồm

LỚP 1



I. Yêu cầu chung

- Nhiệm vụ của năm học: Tạo lòng đồng cảm.
- Cách thực hiện: Trò chơi đồng vai.
- Thời lượng: Ở nhà trường nên học đồng cảm trong hai tiết liên nhau (mỗi tiết 30 phút) đảm bảo đủ thời gian để trẻ làm quen với cảnh ngộ, đóng vai cảnh ngộ, luyện tập diễn xuất và “ghi lại” cảm xúc. Mỗi tuần 1 – 2 cảnh ngộ.

II. Cách tổ chức

1. Ba việc (hoạt động) TRONG một tiết học Đồng cảm

- Đưa học sinh vào **tình huống đồng cảm**.
- Tổ chức cho học sinh **bộc lộ suy nghĩ, tình cảm** trước tình huống.
- Học sinh cùng nhau **diễn tả cảnh đồng cảm**.

► Lưu ý:

- Với những HS nhanh, tự tạo ra được kịch bản của mình, cho các em diễn tả kịch bản đó.
- Với những HS chậm hơn, chưa nghĩ ra, mời các em đóng vai theo kịch bản gợi ý, sau đó khi em nghĩ ra kịch bản khác thì mời em đóng lại.
- Tất cả các em đều được diễn, tất cả đều được khen.



2. Ba việc SAU một tiết học Đồng cảm

2.1. Ngay tại lớp

- Kể lại việc mới làm (Tình huống, diễn kịch đồng cảm).
- Cùng nhau đọc một số bài thơ, ca dao... liên quan đến tình huống.
- “Ghi lại” điều mới làm xong (Bằng hình vẽ, bằng lời... nhưng chú ý là tự các em làm việc này theo khả năng của từng em).

2.2. Về nhà

Diễn lại cho ông bà, bố mẹ xem.



3. Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức cho trẻ tạo lòng đồng cảm

3.1. Cảnh ngộ và sắc thái tình cảm đồng cảm

- Nỗi buồn đau, giận dữ... trước những cảnh ngộ thương tâm.
- Chung vui với những niềm vui lớn, nhỏ của con người.

Sách giáo khoa cung cấp một số ***vật liệu mẫu***, trong đó có những cảnh ngộ thương tâm như đói rách, lũ lụt, đau ốm... nhưng cũng có những cảnh vui tươi như vui sống với tranh dân gian, chú Tễu, múa rối... Có cảnh gần gũi với đời sống như người ốm, người gánh nặng... nhưng cũng có những cảnh ngộ xa xôi như núi lửa, chiến tranh... Người dạy được ***quyền lựa chọn, thêm bớt các cảnh ngộ*** để tổ chức cho con em mình đóng vai những cần chú ý tính đa dạng phong phú, nhiều mặt của cuộc đời, dẫn dắt các em từ những cảnh gần gũi bình dị đến những cảnh xa xôi phức tạp, từ những cảnh dễ khơi gợi lòng đồng cảm như đói khát, đau ốm... đến cả những niềm vui, niềm hạnh phúc của con người mà đôi khi người ta khó lòng đồng cảm với nhau.

Không chỉ quanh quẩn bên những cảnh ngộ đơn giản, bắt gặp hàng ngày, giáo viên ***cần đẩy xa hơn việc đóng vai của các em đến những cảnh chưa từng có trong đời sống các em*** như chiến tranh, như nạn đói, như núi lửa... đó là những cảnh mang tính “kinh điển” trong đời sống để đánh thức nhân loại tính trong mỗi con người. Bỏ qua những “trường đoạn” như thế là vô tình làm đơn giản hóa và lược

bỏ đi những nét quan trọng trong việc tạo thành tâm hồn con người ở các em.

Không chỉ đến với những *cảnh ngộ có thực* trong đời sống, sứ mệnh của giáo dục nghệ thuật là giúp người học đến với cái thế giới đã được “lọc” qua lăng kính của người nghệ sĩ, tức là đến với *thế – giới – nghệ – thuật*. Tác phẩm văn nghệ dân gian là một môi trường tốt để học sinh đến với thế giới nghệ thuật như thế. Hãy cho trẻ vào vai một nhân vật trong những tích trò rối nước, vào vai một đồ vật trong tranh dân gian, vào vai một chú Tễu... để các em thêm được nhiều lần “tái sinh” trong những phận đời nghìn năm của dân tộc.

Ngày nay Internet phổ biến trong đời sống, có một cách để bố mẹ và các con cùng đọc tin tức trên mạng một cách hữu ích đó là cập nhật *những tin tức trên báo* rồi chọn lấy những cảnh ngộ đang diễn ra trên khắp đất nước, khắp thế giới để cùng nhau đóng vai. Ví dụ, đóng vai một em bé bị nước lụt cô lập trên nóc nhà, đóng vai một bạn đu dây qua sông đi học, đóng vai người mẹ vừa sinh một lúc bốn đứa con đóng vai người vừa làm được một điều tốt... mà báo mạng cập nhật hằng ngày.

3.2. Cách thể hiện lòng đồng cảm

- Đóng kịch có lời
- Đóng kịch câm

Lời lẽ đóng kịch của các em là do các em tự nghĩ ra, khi các em đã tìm ra cho mình được những cách biểu hiện tình cảm của mình rồi, người dạy mới cho các em đóng thêm những lời kịch có sẵn để làm phong phú thêm cho các em những cách biểu hiện tấm lòng của con người.

Có thể khơi gợi, gợi ý nhưng không nên mớm sẵn. Ví dụ, đóng vai một người bán hàng về muộn trong cơn mưa mà vẫn còn nhiều hàng chưa bán được, các em sẽ có những ý nghĩ gì? Có đói không? Có lạnh không? Có buồn không?... Các em đóng vai và lần lượt đổi vai cho nhau.

Đóng kịch cảm khó hơn kịch nói, giáo viên phải thật tinh tế mới hướng dẫn được các em vào tình huống đồng cảm. Nhưng không thể bỏ qua cách làm này vì không lời là trạng thái cao nhất thể hiện sự sâu sắc, tinh tế trong một con người. Ví dụ, em đóng vai một người đang hoang mang, chỉ bằng cử chỉ hành động thôi mà không nói gì cả...

Trong quá trình đóng vai, chú ý tổ chức để em nào cũng được đóng, em nào cũng được khen, không bắt bẻ nếu thấy các em nói sai, không chê bai, điều chỉnh theo ý mình, khuyến khích các em nói hết những điều các em muốn nói... Đặc biệt là để học sinh tự nói ra, không gợi ý theo ý mình, không ép nếu em chưa nói, không yêu cầu nhắc lại lời nói của cô và các bạn...

III. Thiết kế một số tiết học mẫu

Một chút lưu ý: Những bản thiết kế sau đây không gọi là giáo án theo cách hiểu thông thường mà gọi là kế hoạch giờ học, một cách phá cách vào vấn đề định làm trong một giờ học. Bạn tham khảo tài liệu này như một cái mẫu để hình dung quy trình tổ chức cho trẻ em chiếm lĩnh được khái niệm và biểu đạt nghệ thuật.

Chúc các bạn có những giờ học vui và hiệu quả!

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: KHÁI NIỆM ĐỒNG CẢM

A./ Mục đích: Giúp học sinh (HS) **làm ra khái niệm đồng cảm.**

Giải thích:

- 1./ Khái niệm đồng cảm cần được trao cho HS ngay từ tiết học đầu tiên mở đầu môn học và bắt đầu năm học.
- 2./ Dựa trên khái niệm đã có, các bài học tiếp theo chỉ là sự mở rộng các bài tập – có nhiều thời gian thì luyện nhiều, có ít luyện ít và... ngoài việc luyện ở lớp, học sinh tự luyện ở ngoài (với gia đình, với cảnh ngộ có thực)...
- 3./ Tất cả các vật liệu đều chỉ quy tụ về một cái lõi là tình đồng cảm:
 - Chủ điểm gần gũi: em nhặt rác, cù giã mù, em bé đánh giày, cù giã ốm...

- Chủ điểm xa lạ: cảnh ngộ trong chiến tranh, cảnh lũ lụt, cảnh trong tranh Đông Hồ...
- Chủ điểm tinh tế: cảnh ngộ phải đoán ra, phải tự tìm hiểu mới “đến” được (khám phá ra). Loại chủ điểm này chưa đưa ra trong sách của ta, nhưng người dạy phải có ý thức đó vì, suy cho cùng, dạy đồng cảm là nuôi dưỡng **tính chất tinh tế** là thứ chỉ có ở con người được giáo dục tử tế (cách gào khóc trong đám ma cũng là đồng cảm, nhưng chưa tinh tế; cách “tỏ tình” của một số sinh viên cũng cần được đồng cảm nhưng phải thấy đó là sự thô kệch do thiếu giáo dục nghệ thuật).

B./ Kế hoạch thực hiện

Việc 1 – Giao việc (nhiệm vụ tiết học)

GV cho HS mở sách xem tranh, hoặc nếu không có sách thì in riêng bức tranh đầu sách Văn 1 phát cho HS.



Việc 1.a./ Mô tả bức tranh tĩnh. Mấy nhân vật? Người già? Người trẻ? Người già trạc tuổi ai em đã quen biết? Người trẻ trạc tuổi ai? (người trẻ chính là em).

Việc 1.b./ Mô tả bức tranh động. Em bé và cụ già nắm tay nhau → làm công việc gì?

Việc 1.c./ Tại sao hôm nay cô lại cho xem bức vẽ này? Cho HS đoán, không giải đáp, chỉ chốt lại: cuối tiết học các em sẽ **đặt tên cho bức tranh**. Học sinh nhắc lại nhiệm vụ: cuối tiết học, đặt tên bức tranh.

Giải thích:

- 1./ Khi dạy học theo lối Cánh Buồm, bao giờ cũng phải cho người học biết rõ ràng minh bạch: các em sắp học cái gì? “Cái phải học” đó sẽ được đưa ra khi thì tường minh, khi thì ra vẻ úp mở, nhưng suy cho cùng, “cái phải học” đó bao giờ cũng phải là một khái niệm.
- 2./ Từ sau tiết 1, nếu học sang điều phái sinh từ khái niệm gốc, thì đó cũng vẫn là khái niệm, và toàn bộ chuỗi khái niệm.
A →
a b c →
a1 a2 a3 b1 b2 b3 c1 c2 c3... cho đến kiệt cùng năm học chính là **chương trình khung** vậy – cái chương trình khung thể hiện được tính logic của sự phát triển của sự vật.
- 3./ Những mọo vật trong khi lên lớp không được thay thế cái gốc là người học phải biết mình sắp học gì.

Việc 2 – Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiết học

Việc 2.a./ Tình huống giả định 1: em bé và cụ già mù muốn qua đường.

- Một em (chơi kịch câm) đóng vai cụ già chống gậy loanh quanh ở đầu đường “có việc gì đó”...
- Ai xung phong ra hỏi chuyện cụ và giúp cụ theo ý cụ? Hai học sinh làm thành một cặp đóng vai cụ già và em bé.

(Lặp lại với 2–3 cặp).

Việc 2.b./ Tình huống giả định 2: em bé và cụ già mù muốn tìm địa chỉ. (Lặp lại như trên, nội dung thoại thay đổi khác đi tùy các em).

(Lặp lại với 2–3 cặp).

Việc 2.c./ Tình huống giả định 3: em bé và cụ già mù bị đói. (Lặp lại như trên, nội dung thoại thay đổi khác đi tùy các em).

(Lặp lại với 2–3 cặp).

Việc 3 – Sơ kết nhiệm vụ tiết học

Việc 3.a./ Các em nhắc lại nhiệm vụ cô giao đầu tiết học.

Việc 3.b./ Các em đặt tên. Thảo luận: tên nào hay hơn? Tên nào em thích hơn? Quan trọng: các tên sẽ lễ tể, xoay quanh các việc đã làm. GV cho HS thảo luận làm các công việc đó trong lòng em bé có được tình cảm gì?

Vậy tên bức tranh có thể là: Đồng cảm – Đồng cảm với người già – Đồng cảm với người nghèo – Đồng cảm với người tàn tật, v.v. Cốt có **đồng cảm** đã.

Việc 3.c./ Luyện tập nhanh.

“Ghi lại” suy nghĩ tình cảm của mình khi đồng cảm với người già.

- Em nào biết viết rồi thì ghi lại bằng chữ.
- Em nào chưa biết viết thì ghi lại bằng hình vẽ hoặc làm truyện tranh...

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: VÀO VAI CẬU BÉ ĐÁNH GIÀY

Việc 1: HS làm quen với cảnh ngộ

- GV đóng vai người đánh giày: vừa xách “đồ nghề” vừa rao “Ai đánh giày dề!”; mời một (vài) người đánh giày.
- Vừa rồi là ai? Công việc chính của người đó là gì? Em đã bao giờ gặp bạn ấy chưa?
- Theo em tại sao một bạn cũng nhỏ như em lại không vui chơi, không đi học mà đi đánh giày?
- HS được xem thêm những bức ảnh trên báo, trên mạng, một đoạn clip... tùy GV từng nơi sưu tầm được.

Việc 2: HS đóng vai một cảnh ngộ cụ thể của cậu bé đánh giày

- HS tập làm theo các hoạt động của cậu bé đánh giày
- + HS bắt chước làm công việc của bạn đánh giày: rao mời, đánh giày...
(GV chú ý hỏi các em xem xách cái giỏ có nặng không? Tư thế, dáng điệu thế nào? Giọng rao có to không?...)
- + HS đặt một vài câu hỏi cho bạn đánh giày
Gợi ý: Bạn đánh giày cả ngày như thế có mệt không?
- + Em muốn nói gì với bạn đánh giày? HS được nói theo suy nghĩ của mình.

– GV nêu tình huống: Có một bạn đánh giày ngồi ủ rũ bên vỉa hè, trông rất mệt mỏi và buồn, ngồi rất lâu chẳng có ai thuê bạn đánh giày – nếu gặp bạn ấy em sẽ nói gì với bạn? Em sẽ làm gì cho bạn?

– HS tự nghĩ ra câu hỏi và câu trả lời

– HS đóng vai từng cặp với nhau theo lời thoại các em tự nghĩ ra

– GV cho một vài gợi ý. Ví dụ có một bạn học sinh gặp bạn nhỏ đánh giày và hai bạn đã nói chuyện với nhau như thế nào?

– Mời từng cặp HS đóng vai.

– HS đóng vai theo kịch bản trong SGK

Việc 3: HS tự củng cố

– Tại lớp: HS trả lời các câu hỏi: Tiết học này em đã làm được việc gì?

(HS bình thường đều có thể nói em đã đóng vai một cậu bé đánh giày. Nhưng nếu có HS nào chậm hơn các bạn khác thì GV có thể gợi ý: Em vừa được gặp gỡ với ai? Em biết được gì về người bạn này? Em đã làm gì để biết cậu bé đánh giày rất mệt và đói...)

– Về nhà:

+ HS kể với ông bà cha mẹ: Hôm nay ở lớp em đã làm việc gì? Sau đó em đóng vai em bé đánh giày cho cả nhà xem. Mời bố mẹ (ông bà, anh chị...) đóng vai cùng em.

+ Em vẽ (nặn, xé dán...) một món quà muốn dành tặng bạn đánh giày nghèo khổ.

GV chú ý:

Nếu lớp đông cô giáo có thể chia nhóm HS và cho mỗi nhóm tự bầu một nhóm trưởng để các em có thể tự quản lý nhau, thi đua giữa các em xem nhóm nào đóng vai được hay, nghĩ ra được những câu hỏi cho nhân vật được nhiều.

Đầu tiết học sau sẽ củng cố lại bằng cách trưng bày sản phẩm các em tự làm ở nhà để tặng bạn đánh giày, HS giới thiệu sản phẩm của mình đồng thời đóng vai cảnh tặng quà cho bạn đánh giày luôn.

Tất cả các em đều được đặt câu hỏi, đều được đóng vai và đều được cô khen. Em nào làm nhanh được làm mẫu cho cả lớp. Em nào làm chậm được làm đi làm lại mấy lần.

Ở những vùng nông thôn hoặc vùng sâu vùng xa, nếu cảnh ngộ cậu bé đánh giày quá xa lạ với HS, GV có thể thay bằng cảnh ngộ khác phù hợp hơn, chẳng hạn cậu bé ăn xin, cậu bé nhặt phế liệu...

GV có thể kể (đọc) cho HS nghe những câu chuyện đồng cảm tương tự do mình sưu tầm được. (Ví dụ chuyện về cậu bé nạo ống khói trích từ “Những tấm lòng cao cả” của Edmondo De Amicis)

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: ĐỒNG CẢM VỚI NGƯỜI GÁNH NẶNG

Việc 1 – Giao việc (nhiệm vụ tiết học)

GV cho HS mở sách xem tranh, hoặc nếu không có sách thì in riêng bức tranh đầu sách Văn 1 phát cho HS.



Việc 1.a./ Mô tả bức tranh tĩnh: Em thấy gì trong bức tranh?

Mấy nhân vật?

Người già? Người trẻ?

Em đã quen biết người đó hay là chưa?

Miêu tả người em thấy trong bức tranh: người ấy đang làm gì? Tại sao người đó đội nón? Tại sao không đi dép? Em đoán xem người đó đang gánh hàng gì? Gánh hàng đó có nhẹ không? Vì sao em biết gánh hàng đó nhẹ/ nặng? Người đó bước đi có dễ dàng không?

Việc 1.b/ Tại sao hôm nay cô lại cho xem bức vẽ này? Cho HS đoán, không giải đáp, chỉ chốt lại: cuối tiết học các

em sẽ đặt tên cho bức tranh. HS nhắc lại nhiệm vụ: cuối tiết học, đặt tên cho bức tranh.

Việc 2 – Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiết học

Việc 2.a./ Tình huống giả định 1: người đó đang gánh rất nặng vào buổi trưa nắng nóng.

GV hỏi làm rõ tình huống: Có mệt không? Có đói và khát nước không? Có đi nhanh nhẹn được không? Điều bác mong muốn nhất là gì? Tại sao nắng nóng như vậy bác vẫn phải làm việc?

- Một em đóng vai bác gánh than, thể hiện bác đang gánh hàng vào buổi trưa nắng nóng.
- Mời hai em đóng, một em trong vai người gánh than, một em nói một câu với bác/ làm một việc gì đó để giúp bác? Việc gì? Cần cho HS tự tìm ra đã rồi đóng vai.

Việc 2.b./ Tình huống giả định 2: lũ lụt xảy ra, bác phải gánh đồ chạy lũ lụt.

GV hỏi làm rõ tình huống: Em nào biết về lũ lụt nói cho cả lớp biết? Lũ lụt xảy ra thì phải làm thế nào? Có thể dùng ô tô xe máy chở đồ đi không? Bác có đi chậm chậm được không?

- Một em đóng vai bác gánh nặng, thể hiện bác đang gánh rất nhiều đồ chạy lũ lụt.
- Nếu gặp bác, em có thể làm gì giúp bác hoặc nói một câu gì với bác.

Việc 2.c./ Tình huống giả định 3: Chiến tranh xảy ra, bọn giặc đến đốt nhà, cướp của, giết người, bác phải gánh đồ chạy giặc.

GV hỏi làm rõ tình huống: Chiến tranh là gì? Bạn nào

biết về chiến tranh? Khi giặc đến thì chúng ta nên làm gì?
Mọi người cùng xông ra đánh giặc có được không?

- Một em đóng vai bác gánh nặng, thể hiện bác đang gánh rất nhiều đồ chạy giặc.
- Nếu gặp bác, em có thể làm gì giúp bác hoặc nói một câu gì với bác.

Việc 3 – Sơ kết nhiệm vụ tiết học

3.a./ Các em nhắc lại nhiệm vụ cô giao đầu tiết học.

3.b./ Các em đặt tên. Thảo luận: Tên nào hay hơn? Tên nào em thích hơn?

3.c./ Luyện tập nhanh.

Viết lại lời thoại của hai nhân vật: bác gánh nặng và em bé trong tình huống mà em nhớ nhất (cho học sinh đã biết viết) hoặc bài tập kịch ngắn: người gánh nặng chính là mẹ của em.

Em vẽ lại một điều mình nhớ nhất trong tiết học này.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: ĐỒNG CẢM VỚI CẢNH NGỘ TRONG CHIẾN TRANH

Các đoạn đối thoại trong SGK chỉ là mẫu để GV biết cách hướng dẫn HS tổ chức các cuộc đối thoại, không nhất thiết phải lặp lại những lời trong sách mà nên khuyến khích HS tự nghĩ ra lời nói của riêng mình để có “cuốn sách” do chính các em làm ra.

Việc 1 – Giao việc



a. Giao việc

GV– Gắn lên bảng cho học sinh xem bức tranh về chiến tranh trong sách Văn 1. Tại sao hôm nay cô lại cho chúng ta nghiên cứu bức tranh này?

Cho HS đoán (có thể sẽ có HS đoán ra, vì đã quen với cách học).

GV – (Nếu có HS đoán đúng) Đúng vậy. Mời các bạn nhắc lại thật to nhiệm vụ của buổi học: đặt tên cho bức tranh.

HS nhắc lại to.

GV – Bây giờ nhắc lại, nhỏ thôi: [Hạ giọng, nói nhỏ hơn, khiến HS phải lắng tai nghe] đặt tên cho bức tranh.

HS nhắc lại, nhỏ hơn.

GV – Bây giờ chỉ mấp máy môi chứ không nói thành tiếng: [GV mấp máy môi làm mẫu để HS làm theo] đặt tên cho bức tranh.

HS thực hiện.

b. Mô tả bức tranh bằng lời:

GV– Em nhìn thấy những gì trong bức tranh này?

(Trong quá trình HS chỉ ra các chi tiết, GV có thể gợi ý thêm để HS phát hiện các chi tiết trong tranh: Nhân vật trong bức tranh là ai? Đang làm gì? Cảnh tượng xung quanh như thế nào?...)

HS chỉ ra các chi tiết – có thể đoán đó là em bé đang chạy lụt, đang chạy lũ, đang chạy giặc... GV “tiết lộ” bí mật: tác giả vẽ một bạn nhỏ trong chiến tranh.

GV – Các bạn biết những gì về chiến tranh? Hãy kể ngắn gọn cho cô và cả lớp cùng nghe.

Mời 2 – 3 HS kể.

c. Mô tả bức tranh bằng hành động:

GV – Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì?

HS – Đang chạy, đang trốn...

GV – Tại sao bạn ấy lại phải làm như vậy?

HS đưa ra các phương án.

GV – Mời các bạn đóng vai bạn nhỏ trong tranh: Nhà bạn ấy vừa bị bom làm sập, bạn ấy hoảng sợ chạy đi. Yêu cầu lần này: Chỉ đóng kịch câm, dùng hành động chứ không dùng lời, thể hiện bạn ấy vừa chạy vừa rất hoảng sợ.

Mời 1–3 HS thể hiện. Trong quá trình HS đóng vai, GV có thể gợi ý: Dùng động tác gì để thể hiện là bạn ấy đang hoảng sợ? Bạn ấy có ngoái cổ lại nhìn phía sau không? Bạn ấy có khóc không? Nếu vừa chạy vừa khóc thì thể hiện thế nào?

Việc 2 – Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiết học

GV giao tình huống cho HS, HS nghĩ ra lời thoại rồi lên đóng vai.

a. Tình huống 1: Một bạn nhỏ bị lạc mất gia đình trong chiến tranh, đang loay hoay tìm kiếm gia đình mình.

GV nêu tình huống: Có một bạn nhỏ bị lạc mất gia đình trong chiến tranh, đang loay hoay tìm kiếm gia đình mình.

Lần 1: (một mình – Dùng kịch cảm)

GV nêu yêu cầu: Không dùng lời, chỉ dùng hành động, hãy diễn tả việc bạn ấy đang vừa đi, vừa tìm kiếm gia đình.

GV mời các bạn lên đóng vai, có thể gợi ý: Tìm kiếm ở gần bạn ấy thì phải dùng hành động thế nào? Dùng hành động gì để thể hiện bạn ấy nhìn và tìm ở phía xa?

Lần 2: (một mình – Dùng lời)

GV – Cha mẹ, anh em bạn ấy đều bị lạc mất rồi, bạn ấy đang tìm kiếm, em thay bạn ấy nói một câu.

HS phát biểu (GV có thể gợi ý thêm: Bạn ấy tìm những ai? Làm thế nào để nếu bố mẹ, anh em của bạn ấy ở gần bạn ấy thì có thể nghe thấy và biết là bạn ấy đang tìm mình? Nếu gặp một người nào đó, bạn ấy phải hỏi thế nào?)

GV – Mời 2, 3 bạn lên đóng vai bạn nhỏ đang tìm gia đình, nói một câu thể hiện bạn ấy đang tìm kiếm.

Lần 3: (Đối thoại)

GV thêm nhân vật: Gặp bạn nhỏ này, em sẽ nói gì?

Mời HS phát biểu, và hỏi thêm: Em có thể giúp gì cho bạn?

GV – Cô mời một bạn lên đóng vai bạn nhỏ đi tìm kiếm gia đình trong chiến tranh, một bạn gặp và nói chuyện với bạn ấy.

GV mời 2 – 3 cặp.

b. Tình huống 2: Bạn nhỏ tìm kiếm đã lâu mà chưa gặp bố mẹ, bạn ấy rất đói.

GV nêu tình huống.

Lần 1: (một mình)

GV – Lúc này bạn ấy sẽ tự nói với mình câu gì?

HS trả lời.

GV lần lượt mời 2, 3 HS lên đóng vai. (Có thể gợi ý thêm cho HS khi diễn: Bây giờ, em đóng vai bạn ấy, vừa đói vừa mệt thì phải thể hiện động tác như thế nào?)

Lần 2: (Đối thoại)

GV thêm nhân vật: Có một bác gặp bạn ấy, thấy bạn ấy đang rất đói và mệt. Bác sẽ nói với bạn ấy câu gì?

Mời HS trả lời.

GV mời 2 – 3 cặp HS đóng vai.

c. Tình huống 3: Có bà cụ thấy bạn ấy bị lạc gia đình thì mời bạn ấy ở lại nhà mình.

GV nêu tình huống.

GV – Bà cụ sẽ nói thế nào với bạn nhỏ?

Mời HS trả lời. GV hỏi thêm: Bạn nhỏ sẽ trả lời thế nào?

[Nếu thấy HS bắt chước nhau đồng ý/ không đồng ý, thì cô gợi ý phương án ngược lại cho HS xử lý: Nếu bạn ấy đồng ý/không đồng ý, bạn ấy sẽ nói thế nào?]

GV mời 2 – 3 cặp lên diễn cảnh này.

Việc 3 – Sơ kết nhiệm vụ tiết học

a. Các em nhắc lại nhiệm vụ cô giao đầu tiết học.

GV mời các em đặt tên cho bức tranh.

b. Luyện tập nhanh:

- GV mời HS nhìn lên bức tranh: Em tưởng tượng mình là bạn nhỏ trong bức tranh này. Em kể lại cho cả lớp xem đã có chuyện gì xảy ra với quê hương mình, mình bị lạc ở đâu và nhìn thấy gì, em có cảm giác gì?
- GV phát cho mỗi HS một bức tranh.
- Mời các em đã biết viết viết một cái tên mình đã đặt cho bức tranh. Các bạn còn lại nghĩ về bạn nhỏ trong tranh, em muốn làm gì cho bạn nhỏ? Em hãy vẽ lại điều mình muốn làm cho em bé đó.
- Khi các bạn đã viết xong tên tranh, mời các bạn viết một câu các bạn muốn nói với bạn nhỏ trong tranh.

c. Cùng cố:

GV – Em đã làm được những gì trong buổi học này?

HS trả lời.

GV giao bài tập về nhà: Về nhà kể lại cho người thân nghe về buổi học, rồi rủ bố mẹ, anh chị em hoặc bạn bè cùng đóng vai bạn nhỏ trong chiến tranh.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: ĐỒNG CẢM VỚI NIỀM VUI SỐNG TRONG TRANH DÂN GIAN – TRANH LỢN ĐÀN

Việc 1: Giao nhiệm vụ học tập

- Ôn cái đã biết (đồng cảm và đồng cảm với tình huống...)
- Treo tranh lợn cho HS xem.

Cho HS nói (và GV kể thêm) đây là TRANH LỢN ĐÀN được làm ở làng tranh Đông Hồ để nhân dân mua về treo ngày Tết.



GV – Giới thiệu về tranh dân gian Đông Hồ: Tranh Đông Hồ là một dòng tranh dân gian Việt Nam, xuất xứ từ làng Đông Hồ (xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Trước kia, tranh chủ yếu được treo trong dịp Tết Nguyên đán, người dân nông thôn mua tranh về dán trên tường, hết năm lại lột bỏ, dùng tranh mới. Những bức tranh Đông Hồ thể hiện ước mơ của người lao động về đời sống yên vui, ấm no, hạnh phúc.

Về tranh lợn đàn: Theo quan niệm của người vẽ tranh Đông Hồ, con lợn là con vật đẹp nhất, tượng trưng cho sự ấm no, sung túc. Hình ảnh xoáy đồng dương trên mình lợn thể hiện sự sinh sôi, nảy nở. Tranh lợn đàn được treo nhiều

trong ngày Tết là để thể hiện mong ước năm mới thịnh vượng, phát tài phát lộc, đông con nhiều cháu.

- Trả lời nhanh: Tại sao nhân dân mua tranh lợn về treo ngày Tết? GV mời 3 HS trả lời.
- Nhiệm vụ học tập hôm nay: **đồng cảm với niềm vui ngày Tết qua tranh lợn dân gian. Đồng cảm với niềm vui treo tranh dân gian lợn đàn ngày Tết.**

Việc 2: Nhập vai – đồng cảm

Tình huống 1: Mơ ước no ấm của bác nông dân khi chăm sóc lợn

GV – nêu tình huống: Em tưởng tượng em là một bác nông dân đang chăm sóc đàn lợn của gia đình. Bác nông dân cho lợn ăn rồi tắm cho lợn và vừa làm vừa trò chuyện tâm sự với con lợn. Bác cảm ơn con lợn đã đem lại những gì cho gia đình bác. Bác nói với con lợn những ước mơ và hy vọng gây dựng cho gia đình mình.

Bây giờ, các em tưởng tượng ở trước mặt có một bầy lợn. Các em sẽ đóng vai bác nông dân chăm sóc đàn lợn của mình.

GV – Mời 2 – 4 HS đóng vai bác nông dân trong từng hoạt động sau:

- + Cho lợn ăn cám
- + Cho lợn ăn rau
- + Phun nước tắm cho lợn

GV – Sau khi chăm sóc lợn xong, bác nông dân sẽ nói với con lợn điều gì?

GV mời 4 HS trả lời

GV mời 2 – 3 HS đóng vai

Tình huống 2: con xin bố mua tranh lợn về treo Tết

GV – nêu tình huống: Một bạn nhỏ đi cùng bố tới làng

tranh Đông Hồ, bạn ấy thấy tranh lợn đàn rất đẹp nên muốn xin phép bố cho mua tranh lợn đàn về treo ở nhà.

GV– Bạn ấy sẽ nói gì với bố?

GV mời 2 HS trả lời.

GV – Bố bạn ấy sẽ nói gì với con của mình?

GV mời 2 HS trả lời.

GV mời 2 cặp HS lên đóng vai.

GV – Bây giờ cô có một kịch bản đã soạn sẵn cho tình huống này, chúng ta sẽ cùng nhau tập đóng vai theo kịch bản này xem ai nhớ lời và đóng giống như thật hơn.

GV cho HS tập từng câu thoại: lời của con– lời của bố:

- Bố ơi, bố mua bức tranh lợn này về treo cho vui nhà.
- Liệu mẹ có thích bức tranh này không?
- Có mà! Mẹ bảo treo tranh lợn thì nuôi lợn chóng lớn.
- Liệu ông bà có thích tranh này không?
- Có mà! Chính ông bà cho con tiền mua tranh lợn về treo đây!

GV – Mời 2 HS đóng vai người con. Mời 1 HS đóng vai người mẹ.

HS – Đóng vai.

Việc 3: Sơ kết

– Tại lớp: củng cố việc tưởng tượng và đồng cảm với “niềm vui nuôi lợn” của người nông dân thông qua vẽ tranh:
+ Cảnh hai bố con đi tham quan làng tranh Đông Hồ và mua tranh lợn đàn về treo.

– Về nhà:

+ HS kể với ông bà cha mẹ: Hôm nay ở lớp em đã làm việc gì?

+ Viết lại những đối thoại của hai cha con đi thăm làng tranh Đông Hồ.

LỚP 2



I. Yêu cầu chung

1. Nội dung: Thao tác tưởng tượng – Tạo ra một hình tượng.
2. Thời lượng: Ở trường, mỗi tiết kéo dài 30 – 35 phút, nên bố trí hai tiết liền nhau (có giải lao) để học sinh nắm khái niệm và luyện tập ngay sau đó. Mỗi tuần học ít nhất 4 tiết Văn.

Ở nhà, tùy vào thời gian biểu của từng gia đình để sắp xếp nhưng phải đảm bảo cùng con học tưởng tượng trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 20 phút, không bị gián đoạn, không bật ti vi, không nghe điện thoại. Người lớn tập trung vào công việc cùng với trẻ, theo đúng khái niệm, các bước hoạt động. Luyện tập tưởng tượng ở nhà có thể vào bất kỳ lúc nào, trong những tình huống bất kỳ của đời sống, người lớn khéo léo vận dụng bài học vào đời sống để kích thích trí tưởng tượng của trẻ.

II. Cách tổ chức hoạt động tưởng tượng

1. Ba VIỆC trong một tiết học Tưởng tượng

- Đưa học sinh vào **tình huống tưởng tượng**.
- Tổ chức cho học sinh **làm việc thầm** trong tình huống đã cho.
- Mô tả **sản phẩm tưởng tượng** (hình thù, lời lẽ, tính cách...).

► Lưu ý:

- (1) Đưa học sinh vào tình huống tưởng tượng cần phải hết sức tự nhiên, bất ngờ nhằm kích thích trí tưởng tượng của các em.

Ví dụ, sách giáo khoa Cánh Buồm chọn tình huống cô giáo giao nhiệm vụ cả lớp đi tìm hoa về cắm trên bàn. Có thể trên bàn đang có sẵn lọ hoa, giáo viên cất đi, giả bộ như chưa có, nhờ các em đi tìm hoa về cắm. Các em sẽ nhấp nhóm chuẩn bị đi, có em nhanh nhẩu chắc đã chạy ra đến cửa... Lúc này giáo viên mới mời tất cả ngồi xuống, nhắm mắt lại, nghĩ xem mình sẽ đi đâu, hái hoa gì... Tình huống bất ngờ và chứa đựng yêu cầu có kết quả ngay sẽ giúp các em không tưởng tượng lan man, lung tung... mà tập trung vào nhiệm vụ.

- (2) Tổ chức cho các em làm việc thầm trong đầu cần cho

các em nhắm mắt để không bị phân tán, mà có thể chìm đắm vào thế giới tưởng tượng của mình. Giáo viên không tưởng tượng hộ các em nhưng với những em chậm hơn các bạn, có thể gợi ý kích thích trí tưởng tượng cho các em, chẳng hạn, với tình huống trên, giáo viên có thể đặt một số câu hỏi: Em đi tìm hoa ở đâu? Xa hay gần? Cảnh vật ở đó thế nào? Trên đường đi có gặp ai không? Em hái được hoa gì?...

- (3) Mô tả sản phẩm tưởng tượng: Sau khi dành ra một thời lượng nhất định để các em làm việc, người dạy mời từng em mô tả lại sản phẩm tưởng tượng của mình bằng lời. Khuyến khích các em diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, phát biểu tự tin. Người dạy tuyệt đối không ngắt lời, không chê bai, dè bĩu những điều các em thể hiện.

2. Ba VIỆC sau một tiết học Tưởng tượng

- Học sinh tự ghi lại sản phẩm tưởng tượng (bằng lời, bằng hình vẽ, bằng cơ thể – diễn xuất).
- Tổ chức cho học sinh bộc lộ năng lực tưởng tượng (với cha mẹ, với bè bạn...): Triển lãm, trưng bày...
- Tổ chức cho học sinh sống nội tâm với sản phẩm tưởng tượng (Ghi nhật ký, đọc thêm...).

► **Lưu ý:**

- (1) Học sinh được tự do lựa chọn cách tự ghi lại sản phẩm tưởng tượng của mình: Có thể ghi lại bằng lời, hoặc bằng hình vẽ, bằng diễn xuất... tùy vào khả năng và sở thích của từng em. Các em ghi, hoặc vẽ lại “sai” cũng được vì trong nghệ thuật, trong cảm xúc, các em được quyền viết “sai”.
- (2) Giúp trẻ tự tổ chức các buổi triển lãm, trưng bày... Khuyến khích trẻ thuyết trình được trước người khác về sản phẩm của mình. Người dạy không cắt ngang, không nắn chỉnh theo ý mình.
- (3) Trí tưởng tượng của các em cần tiếp tục được nuôi dưỡng bằng cách giao nhiệm vụ cụ thể cho các em đọc thêm sách gì, truyện gì, bài thơ nào... Đặc biệt, cần cho các em ghi nhật ký học văn, chỉ bằng cách ghi nhật ký thì các em mới có cuộc sống riêng.

3. Luyện tập tưởng tượng

Sau khi đã nắm được khái niệm tưởng tượng, người dạy tổ chức cho học sinh luyện tập đến khi thuần thục. Cách luyện tập dựa trên ba thao tác.

3.1. Thao tác xuôi: tưởng tượng theo các tình huống

- Người dạy đưa ra tình huống tưởng tượng.
- Người học làm việc thầm trong đầu tình huống đó rồi mô tả sản phẩm tưởng tượng của mình.

Cách làm giống như cách tìm ra khái niệm tưởng tượng.

Ví dụ trong sách giáo khoa:

- Nghe tiếng gõ cửa, em tưởng tượng đó là ai?
- Thấy một em bé ngồi khóc bên đường, em tưởng tượng xem có chuyện gì xảy ra?
- Điều gì sẽ xảy ra nếu con mèo nhà em biết nói?
- Sáng nay có một trận mưa kỳ diệu, rơi xuống không phải nước mà là gì nhỉ?
- Tưởng tượng em là người có thể đọc được ý nghĩ của người khác, em sẽ làm gì?

...

3.2. Thao tác ngược: tưởng tượng sau khi đọc thơ văn

Theo cách này, người dạy cung cấp tác phẩm thơ văn trước, sau đó dựa trên bối cảnh của tác phẩm đó mà người học tưởng tượng tiếp rồi mô tả lại.

Ví dụ, trong sách giáo khoa có các tình huống từ thơ văn như:

- Tưởng tượng em là Trần Bình Trọng đang đối thoại với tướng giặc, sau khi đọc đoạn văn về Trần Bình Trọng...
- Tưởng tượng em là Thánh Gióng đang chào từ biệt mẹ và dân làng lên đường đi đánh giặc...
- Tưởng tượng em là con cò đang mò mẫm đi kiếm ăn trong đêm và nghĩ đến đàn con đói khát...

3.3. Thao tác đức (thao tác sáng tạo)

Các em tưởng tượng qua kịch nói, kịch câm, tranh vẽ, bài viết, thơ, truyện... vận dụng tất cả các thao tác để tạo ra hình tượng nghệ thuật hoàn chỉnh.

Ví dụ, sau khi đọc xong bài ca dao “Mẹ già ở túp lều tranh – Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con”, em tưởng tượng một đoạn đối thoại giữa hai nhân vật mà em nghĩ ra.

III. Một số bài thiết kế giờ học mẫu

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: KHÁI NIỆM TƯỜNG TƯỢNG

Tiết học này HS thực hiện các hoạt động để đi đến khái niệm Tường tượng. GV không giảng giải, hoặc bắt HS đọc chép khái niệm mà tuân tự thực hiện các hoạt động như sau:

Hoạt động 1: GV giao nhiệm vụ, đưa HS vào tình huống tường tượng

- GV: Mời các em đi tìm hoa về trang trí lớp học.
- HS: (Nhấp nhóm định đứng dậy đi ra ngoài)
- GV: Các em ngồi lại, ngả người ra đằng sau, nhắm mắt lại cô sẽ dẫn các em đi. Nào, chúng ta cùng đi qua cửa lớp, đi dọc hành lang, đi ra sân trường, ra đến cổng trường gặp bác bảo vệ, bác hỏi “Các cháu đi đâu?” “Chúng cháu đi tìm hoa về trang trí lớp học”. Bác bảo vệ mở cổng trường cho các em đi, các em tiếp tục tự đi tìm hoa.

HS làm việc thầm trong đầu theo tình huống đi tìm hoa

HS tiếp tục nhắm mắt, nghĩ thầm trong đầu mình đi đến đâu, gặp những ai, làm những gì, hái được hoa gì?...

Hoạt động 2: HS mô tả sản phẩm sau khi làm việc thầm trong đầu và rút ra khái niệm tường tượng

– GV : Các em mở mắt ra và mô tả lại việc đi kiếm hoa của mình

– HS: Từng em đứng dậy mô tả lại hành trình đi kiếm hoa về trang trí lớp học.

GV chú ý: Tất cả các em đều được phát biểu, em nào chậm hơn GV gợi mở dẫn dắt để em tiến hành làm việc thắm trong đầu ngay tại chỗ.

Các em được tự do phát biểu về sản phẩm của mình, GV không nhận xét đúng/sai hay uốn nắn ý nghĩ của HS theo ý nghĩ của mình.

– GV: Sau khi mỗi em phát biểu, GV đều hỏi lại: Trên đường đi em gặp ai / cái gì? Bó hoa của em có những hoa gì?

– HS: Trả lời. (tức là thêm một lần tưởng tượng lại). Chẳng hạn em gặp một con thỏ, em thấy một dòng suối trong xanh, em hái một bó hoa cúc, em gặp một người đi chợ về...

– GV: Vậy bó hoa đầu rồi? Con thỏ đầu rồi? Em nói gì với người đó?

– HS: Bó hoa ở trong đầu. Con thỏ cũng ở trong đầu...

– GV: Những việc em vừa làm đều là ở trong đầu, vậy tưởng tượng là gì?

– HS: Tự tìm các cách gọi tên khái niệm theo ý mình.

Sau đó GV hướng dẫn cả lớp cùng thống nhất một khái niệm: Tưởng tượng là làm việc thắm trong đầu. Sản phẩm của tưởng tượng được gọi là một hình tượng.

– GV cho HS củng cố lại bằng cách hỏi lại một số em hình tượng em vừa tạo ra trong chuyến đi tìm hoa vừa rồi.

Các em tự ghi lại và đọc lại khái niệm tưởng tượng (GV chú ý áp dụng cả ba cách đọc to, đọc khẽ, đọc thầm).

Hoạt động 3: HS tự ghi lại sản phẩm tưởng tượng của mình

Các em được tùy ý lựa chọn cách ghi. GV hướng dẫn các em có thể ghi lại sản phẩm của mình bằng nhiều cách tùy theo sở thích của em.

- Em có thể ghi lại bằng lời
- Em ghi lại bằng hình vẽ
- Em ghi lại bằng cơ thể (diễn xuất)

...

Hoạt động của HS sau khi ở trường

Tổ chức hoạt động cho HS sống nội tâm với sản phẩm tưởng tượng dưới các hình thức như

- Em ghi nhật ký: Câu chuyện tưởng tượng đi hái hoa về tặng bố mẹ, ông bà, anh chị...
- Em đọc thêm một số chuyện cổ tích, đoạn văn hay khác

Ví dụ: Sự tích hoa cúc trắng, Sự tích hoa mào gà, một đoạn thật hay trong tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” (Nguyễn Ngọc Thuần)...

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: LUYỆN TẬP TƯỞNG TƯỢNG VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG CA DAO

Việc 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV – Chào các em. Giờ học này cô sẽ cùng các em tiếp tục luyện tập thao tác tưởng tượng. Các em nhắc lại nhiệm vụ.

HS – Luyện tập thao tác tưởng tượng.

GV – Chúng ta tập tưởng tượng về một nhân vật trong ca dao. Mời các bạn nhắc lại nhiệm vụ!

HS – Tưởng tượng về một nhân vật trong ca dao.

GV – Các em nhắc lại đồng thanh: tưởng tượng về một nhân vật trong ca dao.

HS – nhắc lại (ba lần).

Việc 2: Giới thiệu nhân vật

a. Đọc thầm

GV – Cô tặng các em bài ca dao. Các em im lặng, đọc thầm bài ca dao.

HS đọc thầm.

GV – [Hỏi để kiểm tra xem HS có thực sự đọc bài ca dao hay không] Trong bài ca dao này có con vật gì?

HS – Con cò.

GV – Nó đi kiếm ăn vào thời điểm nào?

HS – Ban đêm.

GV – Nó sợ làm ai bị đau lòng?

HS – Cò con/ con của nó.

GV – Mời các bạn đoán thử xem hôm nay chúng ta sẽ tưởng tượng nhân vật gì?

HS – Con cò.

b. Đọc to – ghi nhớ nhanh

GV – Các em gấp giấy lại, nghe cô đọc và nhắc lại từng câu: Con cò mà đi ăn đêm.

HS – Con cò mà đi ăn đêm (3 lần).

GV– Đâu phải canh mềm lộn cổ xuống ao.

HS– nhắc lại 3 lần.

GV– Ông ơi ông vớt tôi nao.

HS– nhắc lại 3 lần.

GV– Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.

HS – nhắc lại 3 lần.

GV – Có xáo thì xáo nước trong.

HS – nhắc lại 3 lần.

GV – Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

HS – nhắc lại 3 lần.

GV – Cả lớp cùng đọc đồng thanh bài ca dao thật hay.

Việc 3: Tưởng tượng bằng diễn xuất hình ảnh con cò

a. Tình huống cò mẹ và cò con

GV – Mời cả lớp cùng đọc to câu đầu bài ca dao.

HS – *Con cò mà đi ăn đêm.*

GV – [Nói chậm rãi] Các em nhắm mắt lại và tưởng tượng vào một đêm khuya, có một con cò mẹ thấy đàn con ở nhà đói quá, quyết định liều mình đi kiếm ăn cho con. Cô cho các bạn 2 phút để viết tiếp lời trò chuyện giữa cò mẹ và đàn con:

[Viết bảng: a. Cò mẹ và cò con

– Cò mẹ: Các con ở nhà,.....

– Cò con:....

– Cò mẹ:....]

GV chú ý hết đúng 2 phút thì nhắc HS dừng lại để trả lời câu hỏi và chuẩn bị đóng vai.

GV – Cò mẹ nói gì với cò con? (Mời 3 HS đọc câu trả lời của mình) Còn các con cò con nói gì với cò mẹ? (Mời 3 HS trả lời) Cò mẹ đáp lại ra sao? (Mời 2 HS trả lời).

GV – Bây giờ chúng ta sẽ đóng vai cò mẹ và cò con. [GV lần lượt mời 3 cặp lên đóng vai]

b. Tình huống: Cò mẹ đi kiếm ăn

GV – Chúng ta tưởng tượng tình huống cò mẹ đi kiếm ăn [Viết bảng: b. Cò mẹ đi kiếm ăn]. Cò mẹ đã đi kiếm ăn rất lâu, trời khuya lắm rồi mà vẫn không tìm được mồi cho con. Các bạn hãy thay lời cò mẹ, tự nói một câu với mình. Cò mẹ nói gì? [Lưu ý: Nếu HS dùng ngôi thứ ba “cò mẹ nói/ con cò sẽ nói...” thì nhắc HS dùng ngôi thứ nhất: “tôi” để HS thực sự hóa thân vào nhân vật]

Mời 3 – 4 HS trả lời.

GV – Bây giờ cô mời các bạn lên đóng vai cò mẹ đi kiếm mồi và tự nói một câu với chính mình.

GV lần lượt mời 3 HS lên đóng vai – trong quá trình HS đóng vai GV có thể gợi ý: Cò mẹ đang kiếm mồi, vậy tư thế của cò mẹ phải thế nào (khom lưng, tay bới bới ra về đang tìm tòi...).

c. Tình huống cò mẹ gặp nạn:

GV – Các em đọc những câu tiếp theo trong bài ca dao

HS – Đọc phần còn lại của bài ca dao (từ câu 2 cho đến hết).

GV – Đã có chuyện gì xảy ra khi cò mẹ đi kiếm ăn?

HS – Cò bị ngã xuống ao... cò kêu cứu....

GV – Bây giờ chúng ta tưởng tượng cò mẹ đang đi kiếm

ăn thì gặp nạn [Viết bảng: c. Cò mẹ gặp nạn] Cò mẹ đâu phải một cái cành cây rất mềm, nên bị ngã lộn cổ xuống ao. Lúc ấy cò mẹ phải làm gì? (HS đoán) Cò mẹ kêu cứu như thế nào?

[Mời 3 – 4 HS trả lời, khuyến khích HS nói những lời kêu cứu khác nhau]

HS – Ai cứu tôi với/ Ồi giờ ời cứu tôi với/ Tôi bị ngã xuống ao rồi....

GV – May sao lúc ấy có một người đi qua, cò mẹ năn nỉ ông ta cứu mình. Cò mẹ nói thế nào?

Mời 3 HS.

GV – Người đó đáp lời cò mẹ thế nào?

Mời 3 HS.

GV – Bây giờ, cô mời các em lên đóng cảnh cò mẹ gặp nạn. Một bạn đóng cò mẹ. Một bạn đóng người đàn ông đi ngang qua.

Mời 3 cặp lên đóng.

GV: Hôm nay các em đã làm việc rất tốt. Bạn nào cho cô biết giờ học này chúng ta đã làm được những việc gì?

(Mời 2 – 3 HS trả lời).

GV: Rất giỏi. Cô giao nhiệm vụ về nhà cho các em:

Việc 1: Các em tự tưởng tượng và viết lại đoạn đối thoại giữa cò mẹ và người đàn ông khi cò mẹ gặp nạn.

Bạn nào nhắc lại được nhiệm vụ thứ nhất? HS nhắc lại.

Việc 2: Cô tặng các em một số bài ca dao, tục ngữ. Các em hãy đọc và chọn ra bài mà mình thích nhất, tưởng tượng cảnh đối thoại giữa các nhân vật rồi rủ bạn bè hoặc người thân cùng đóng vai.

Ai nhắc lại được nhiệm vụ thứ hai?

Vài HS nhắc lại, kết thúc giờ học.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: LUYỆN TẬP TƯỞNG TƯỢNG VỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN “MỘT CON CHÓ HIỀN”

Việc 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV – Chào các em. Hôm nay cô cùng các em luyện tập thao tác tưởng tượng. Các em nhắc lại nhiệm vụ.

HS – Luyện tập thao tác tưởng tượng.

GV – Hôm nay tập tưởng tượng về một nhân vật trong truyện ngắn. Một nhân vật trong truyện ngắn. Các em nhắc lại: hôm nay luyện tập tưởng tượng gì?

HS – ... tưởng tượng về một nhân vật trong truyện ngắn.

HS – ... nhân vật truyện ngắn – tưởng tượng.

GV – Các em nhắc lại đồng thanh: Hôm nay luyện tập tưởng tượng về một nhân vật trong truyện ngắn.

HS – Luyện tập tưởng tượng về một nhân vật trong truyện ngắn.

Việc 2: Giới thiệu nhân vật

GV – Hôm nay chúng ta tưởng tượng nhân vật trong truyện “Một con chó hiền”. Các em nhắc lại tên truyện.

HS – nhắc lại – Một con chó hiền.

GV – Cô cho các em văn bản, các em đọc thầm câu chuyện.

HS: đọc.

GV – Truyện này có mấy nhân vật, kể tên.

HS – kể.

Nhân vật chính: cô Fauchouse (phát âm: Phô–sơ–zơ).

Nhân vật phụ: bà chủ quán. HS có thể thắc mắc: Con chó có là nhân vật không? Có thể gọi đó là nhân vật phụ, làm *phép thử* các nhân vật khác trong tác phẩm.

Bây giờ chơi trò chơi “Nhớ chi tiết”. Mỗi bạn nói một câu xem mình nhớ được gì trong câu chuyện này, mỗi bạn một câu, không ai được trùng nhau.

HS – mỗi bạn nêu một câu.

(nếu thiếu chi tiết nào, GV đặt câu hỏi cho các bạn bổ sung)

Việc 3: Tưởng tượng bằng diễn xuất

(1)

GV – Bây giờ cô cho tình huống thứ nhất: con chó vừa bị chủ nhân đánh, nó chạy đến bên cô gái. Tâm trạng của cô gái như thế nào? Em nghĩ xem cô gái sẽ nói gì với con chó nhỏ.

HS –....

GV – Bây giờ hai em, một em vào vai cô gái nhỏ, một em vào vai chú chó vừa bị chủ đánh. Các em diễn lại cảnh vừa rồi.

GV cẩn thận! Chi tiết em bé đóng vai con chó rất dễ gây cười. Tốt nhất là chỉ đóng kịch cảnh cô Fauchouse ôm con chó trong tưởng tượng, lau vết bẩn trên người nó, lau vết máu bị bà chủ đánh...

(2)

GV – Bây giờ cô cho tình huống khác, cô gái vừa bị mọi người hắt hủi, xa lánh, chủ đánh vì cô làm vỡ chiếc đĩa đựng thức ăn của nhà hàng. Con chó nhỏ đến bên cô gái. Tâm trạng của cô gái đó như thế nào? Cô gái đó nói gì với con chó nhỏ?

Gợi ý để gỡ bí: cô Fauchouse nói thầm thì điều gì để cảm ơn con chó đã thông cảm.

Fauchouse làm động tác gì để cảm ơn con chó.

HS –.....

GV – bây giờ mời các em đóng vai thể hiện tình huống vừa rồi. Một em vào vai chú chó nhỏ, một em vào vai cô gái. Không nên (xem giải thích bên trên).

HS –.....

(3)

GV – Bây giờ cô cho tình huống khác khó hơn, sau khi con chó bị chủ đánh bỏ chết, cô gái một mình ngồi trước mộ con chó nhỏ dưới gốc thông? Tâm trạng cô gái như thế nào? Cô gái nói gì với mình? Nói gì với con chó nhỏ?

Cần hành động và làm kịch câm:

- (1) Cô gái ôm con chó đi chôn.
- (2) Cô bới đất bằng tay và chôn rồi vỗ về nắm đất.
- (3) Cô đứng cúi đầu vĩnh biệt con chó lần cuối.
- (4) Cô ra về vừa đi vừa quay đầu nhìn nắm mộ.
- (5) Cô chạy nhanh lại vỗ về nắm mộ lần cuối như muốn nói “con ngủ yên nhé!”

HS –.....

GV – Bây giờ mời các em đóng vai thể hiện tình huống vừa rồi. Một em vào vai cô gái.....

HS –.....

Việc 4 – Tổng kết

GV – Các em vừa làm được việc gì?

HS – Trả lời: học đóng vai, học tưởng tượng, học lịch sử về cô gái nghèo, con chó nhỏ.

GV – Giao bài tập về nhà.

1/ Em ghi lại các việc mình đã làm trong tiết học.

2/ Vẽ một bức tranh về câu chuyện này theo tưởng tượng của em.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: LUYỆN TẬP TƯỚNG TƯỢNG VỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN LỊCH SỬ

Chú ý quan trọng: tiết này HS cần được giải phóng khỏi cái bàn liền ghế, ngồi xuống đất quây quần xung quanh cô để có thể đứng lên ngồi xuống dễ dàng.

Việc 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV – Chào các em. Hôm nay cô cùng các em luyện tập thao tác tưởng tượng. Các em nhắc lại nhiệm vụ.

HS – Luyện tập thao tác tưởng tượng.

Vài em nhắc lại nhiệm vụ.

GV – Hôm nay tập tưởng tượng về một con người sống từ ngày xưa. Một nhân vật lịch sử. Các em nhắc lại: hôm nay luyện tập tưởng tượng chuyện gì?

HS – ... tưởng tượng về một con người sống từ ngày xưa.

HS – ... tưởng tượng về một nhân vật lịch sử.

GV – Các em nhắc lại đồng thanh: Hôm nay luyện tập tưởng tượng về một nhân vật lịch sử.

HS – Luyện tập tưởng tượng về một nhân vật lịch sử.
(ba lần)

Việc 2: Giới thiệu nhân vật lịch sử

GV – Hôm nay chúng ta tưởng tượng về Trần Bình Trọng. Các em nhắc lại tên tướng quân Trần Bình Trọng.

HS – nhân vật Trần Bình Trọng.

HS – tướng quân Trần Bình Trọng.

HS cả lớp nhắc to – Trần Bình Trọng. (ba lần)

GV – Các em đã nghe kể về tướng quân Trần Bình Trọng chưa? Cô kể các em nghe: Thời giặc Nguyên xâm chiếm nước ta, cách nay lâu lắm rồi, tướng giặc bắt được tướng của ta là Trần Bình Trọng.

Các em tưởng tượng xem: bắt rồi, chúng có giết Trần Bình Trọng không? (Cho HS đoán). Đúng, chúng muốn tướng quân đầu hàng.

Các em tưởng tượng xem làm gì để tướng quân đầu hàng? (HS: chúng mua chuộc. GV: mua chuộc như thế nào?

Các em tưởng tượng xem chúng có dọa giết không? Dọa giết để làm gì? Để mua chuộc dụ dỗ...

GV – Cô khen các em vừa nhớ chuyện lịch sử nước nhà vừa tưởng tượng giỏi. Bây giờ có câu nói nổi tiếng của Trần Bình Trọng, em nào nhớ, nói to cho cả lớp nghe.

HS – “Ta thà làm ma nước Nam, nhưng không thềm làm vương đất Bắc!”

(HS nhắc lại nhiều lần, cá nhân, tập thể – nói to, nói khẽ, và nhắm mắt lại nghĩ thầm – *chú ý động tác tâm lý học này*).

Việc 3: Tưởng tượng bằng diễn xuất chuyện nhân vật lịch sử

GV – Em nào đóng vai tướng Tàu độc ác? (*nếu có được cảnh HS đùn đẩy không chịu đóng thì cực kỳ hay*). Tướng giặc ăn mặc thế nào? Đây, cô mang tờ báo đến, đục cái cổ cho tướng giặc chui qua. (*giơ cái áo cô chuẩn bị bằng mấy tờ báo*). Cô viết chữ Ng vào ngực áo nó, để biết đó là giặc gì? (HS – *Giặc Nguyên*). Các em nhắc lại: giặc Nguyên. (HS nhắc lại)

GV – Bây giờ đóng cảnh thứ nhất: Quân lính của giặc vào báo cáo đã bắt được tướng Việt Nam. Em nào đóng vai quân lính đó?

(Chú ý: HS sẽ chỉ biết tưởng tượng là nói “báo cáo”).

GV phải bổ sung tưởng tượng của các em: lính quân Nguyên quỳ gối lê vào báo cáo cho thấy hết vẻ nô lệ của chúng – *“Một dân tộc nô dịch một dân tộc khác thì chính dân tộc đó cũng là nô lệ”*.

Cho các em “chơi” ba lần cảnh báo cáo đó.

GV – Bây giờ hai em làm lính quân Nguyên lôi tướng Trần Bình Trọng vào. Các em tưởng tượng tướng Trần Bình Trọng như thế nào?

Một nhóm tập đi bình thường.

Cô chữa: Nhóm sau đi, Trần Bình Trọng quát lính Tàu: “Không được xô đẩy ta!” (hoặc câu khác tùy HS nghĩ).

Tiếp theo sẽ diễn ra như sau:

- (1) Tưởng tượng Version 1: Tướng giặc cười cợt chào, phỉnh nịnh, Trần Bình Trọng từ chối hất chén rượu đi.
- (2) Tưởng tượng Version 2: Tướng giặc quát tháo, Trần Bình Trọng hiên ngang đối đáp.
- (3) Tưởng tượng Version 3 chủ chốt quan trọng nhất: Tướng giặc quát tháo rồi dọa nạt đồng thời dụ dỗ. Trần Bình Trọng hiên ngang đáp lại câu nói lịch sử: *“Ta thà làm ma nước Nam...”*. (Gợi ý cho HS nói với nhiều tình cảm hơn, tưởng tượng ông yêu quê hương, ông sẽ nói gì?)

Vài ví dụ gợi ý cho GV:

- “Ta thà chết trên đất nước Việt Nam, nhưng

không thêm làm tay sai cho bọn giặc!”

- “Giết đi! Ta thà chết ở đây, nơi quê hương ta, nhưng không thêm làm tay sai cho chúng mày!”
- “Ta không sợ chết! Thà chết trên quê hương đất nước chứ ta không thêm làm tay sai cho bọn giặc!”

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: LUYỆN TẬP TƯỚNG TƯỢNG VỚI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN DÂN GIAN

Việc 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV – Chào các em. Giờ học này cô cùng các em luyện tập thao tác tưởng tượng. Các em nhắc lại nhiệm vụ.

HS – Luyện tập thao tác tưởng tượng (vài em, nói khác nhau cũng được).

GV – Giờ học này tập tưởng tượng về một nhân vật trong truyện dân gian. Các em nhắc lại: hôm nay luyện tập tưởng tượng chuyện gì?

HS –... tưởng tượng về một nhân trong truyện dân gian.

GV – Các em nhắc lại đồng thanh: Luyện tập tưởng tượng về một nhân vật trong truyện dân gian.

HS – Luyện tập tưởng tượng về một nhân vật trong truyện dân gian. (ba lần to – nhỏ – mấp máy môi)

Việc 2: Giới thiệu nhân vật

GV – Hôm nay chúng ta tưởng tượng về Thánh Gióng. Các em nhắc lại tên Thánh Gióng.

HS – nhân vật Thánh Gióng (3 lần).

GV – Các em đã nghe kể về Thánh Gióng chưa? Cô kể các em nghe [Kể ngắn gọn câu chuyện]. Trong lúc kể, kết hợp đặt câu hỏi cho HS trả lời nhanh:

Các em tưởng tượng xem: Cậu bé Gióng đã ba tuổi, mà vẫn chưa biết đi đứng, nói cười gì cả – mẹ Gióng có buồn không? (Cho HS đoán). Đúng, mẹ Gióng lo lắng lắm!

Bổ sung: Cho HS bắt chước mẹ Gióng thể hiện buồn như thế nào?

- Ngồi ôm đầu ở góc nhà lẩm bẩm điều gì.
- Đang ngồi, nghe tiếng động, giật mình “Ôi con tôi làm sao rồi?”
- Bắt chước động tác nựng con ngồi dậy ăn hoặc uống... mà bất lực.

Các em tưởng tượng xem khi nghe tiếng loa của sứ giả đi tìm người tài cứu nước, Gióng phản ứng ra sao? (HS: Gióng bảo mẹ gọi sứ giả vào). GV: Gióng nói như thế nào với mẹ?

Theo các em, mẹ Gióng lúc ấy có vui không? Có bất ngờ không?...

Bổ sung: Cho HS bắt chước mẹ Gióng thể hiện vui như thế nào?

- Tưởng tượng cử chỉ của bà mẹ bé nhỏ nhìn con lớn lên trước mặt mình như thế nào? (nhìn xuôi (con thấp bé) nhìn ngang (con đang lớn lên trước mặt) nhìn lên cao dần, và nói gì?
- Bà mẹ chạy tới con, sờ nắn người con, ngỡ mình mơ ngủ.

- Bà mẹ thấp hương khăn vái cảm ơn Trời đất...
Bạn nào cho biết, lúc gậy sắt bị gãy, Gióng đã làm thế nào để tiếp tục đánh giặc? Bổ sung:
- Bắt chước cảnh Gióng làm gãy gậy sắt
- Bắt chước lời Gióng đòi có gậy sắt mới

GV – Cô khen các em vừa nhớ truyện dân gian, vừa tưởng tượng giỏi.

Việc 3: Tưởng tượng bằng diễn xuất

GV – Các em nhắm mắt, tưởng tượng cảnh Gióng nói chuyện với sứ giả [Viết bảng: Gióng và sứ giả]

GV – Bây giờ đóng cảnh thứ nhất: Cậu bé Gióng nói chuyện với sứ giả.

Mời một bạn đóng sứ giả, một bạn đóng bé Gióng. Đóng xong một lượt chúng ta sẽ đổi vai.

(Mời 3 cặp)

GV – Bây giờ các em nhắm mắt tưởng tượng cảnh sau khi ăn hết cơm với cà, Gióng nói lời chào dân làng để lên đường đi đánh giặc [Viết bảng: Từ biệt dân làng]. Mỗi bạn tự nghĩ một câu chào của riêng mình.

In sẵn, cho HS đọc, vài em đọc diễn cảm, rồi học thuộc câu trong sách.

GV – Các em tưởng tượng cảnh Gióng quỳ lạy, nói một câu từ biệt mẹ già, từ biệt quê hương trước khi bay về trời.

Chúng ta đóng cảnh thứ ba – Thánh Gióng từ biệt mẹ già, từ biệt quê hương.

(Mời 2 HS)

Sơ kết: Các em làm vào vở.

1. Giờ học này các em học được điều gì?
2. Em tự nghĩ ra và viết một vài câu thay lời Gióng từ biệt gia đình, từ biệt quê hương, dân làng trước khi bay về trời. (Tùy chọn)
3. Em vẽ tranh thể hiện hình tượng Thánh Gióng như em tưởng tượng. (Tùy chọn)

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: KÝ ỨC THỊ GIÁC VÀ TƯỚNG TƯỢNG

.....

Chú ý: Bài này tưởng như là dễ, nhưng bắt đầu tinh tế hơn các tiết học cũ. Trong tiết này, cho phép GV thỉnh thoảng kể chuyện cho các em nghe và cung cấp kiến thức về trí nhớ thị giác, về bẩm sinh và không bẩm sinh, dùng sách giáo khoa để giới thiệu truyện “Người nhạc sĩ mù”.

.....

Việc 1: Ôn cái đã biết

- Đã học tưởng tượng.
- Đã biết tưởng tượng là “làm việc thầm trong đầu”.
- Đã thực hành qua các tiết như

Nhiệm vụ học tập hôm nay: Tại sao con người lại tưởng tượng được?

(Giới hạn: tìm ra một nguyên nhân)

Việc 2: Tìm câu trả lời “Tại sao con người lại tưởng tượng được?”

2.a./ Phổ biến luật chơi:

- Chia lớp làm hai nhóm quay lưng vào nhau.

- Một nhóm nhắm mắt úp mặt vào phía trước, bảo đảm không tí hí.
- Một nhóm mở mắt.
- GV: Bây giờ, một nhóm nhắm mắt, một nhóm mở mắt, cô sẽ cho các em xem một vật, sau đó phải nói rõ đó là vật gì...
- Bất nhóm nhắm mắt vẫn nhắm mắt và ngồi yên, cho một em nhóm mở mắt nhắc lại “luật chơi”, điều GV vừa nói, cốt gây ấn tượng thêm cho công việc...
- GV: nhắc lại thêm “luật chơi” cho thêm ấn tượng.

2.b./ Tiến hành cuộc chơi:

- GV cho HS xem bông hoa hoặc quyển sách hoặc cái bút hoặc cả ba thì càng gây ấn tượng.
- Yêu cầu các em nhóm mở mắt báo cáo. Chú ý cho HS nói chi tiết (bông hoa thế nào, màu gì, mấy bông, cô cầm bằng tay nào, cô giơ mấy lần? Cuốn sách gì, bìa màu gì, tên sách là gì?)
- Cho vài em kể lại đã được GV cho xem gì...

2.c./ Phân tích cuộc “chơi” để rút ra bài học về trí nhớ thị giác.

- Đố biết: tại sao GV lại cho một nửa lớp nhắm mắt? (Để không nhìn được những gì nửa lớp kia nhìn được).
- Tại sao lại cố ý cho một nửa lớp không nhìn được? (So sánh kết quả giữa nhìn thấy và không nhìn thấy) GV cho các em biết: để các em biết về giá trị của *trí nhớ thị giác*. (Nhắc lại khái niệm). Giảng nhanh: có trí nhớ thị giác thì sẽ dựa vào đó để tiến hành thao tác tưởng tượng.

- Làm thao tác tưởng tượng: Các em nhắm mắt và nhớ lại rồi cho cả lớp biết: Em nhớ được hình ảnh mẹ em từ khi em bao nhiêu tuổi? Nhớ hình ảnh mẹ khi đó như thế nào? Trong câu chuyện gì?
- Tiếp tục làm thao tác tưởng tượng về mẹ mình: khi mẹ mới sinh – khi mẹ đang còn rất trẻ – khi mẹ đi học – khi mẹ đi làm một công việc mà em thích mẹ làm – khi mẹ ốm – khi mẹ đã về già...

Việc 3 – Sơ kết tiết học

Hôm nay học gì? Trí nhớ bằng mắt nhìn (trí nhớ thị giác) và tưởng tượng.

GV kể: Trong sách Văn lớp 2 có câu chuyện “Người nhạc sĩ mù”. Đó là câu chuyện một em bé sinh ra đã bị mù mắt. Gọi là mù bẩm sinh (các em nhắc lại khái niệm “mù bẩm sinh”). Mù không bẩm sinh thì còn nhìn thấy mặt mẹ, còn tưởng tượng được về mẹ.

Đó các em biết: Em bé mù bẩm sinh có tưởng tượng thấy mẹ mình như chúng ta sáng mắt tưởng tượng về mẹ không? Mời một em đóng kịch cảm tưởng tượng cảnh một em bé mù bẩm sinh đang tìm hiểu về mẹ mình.

Giao việc: Các em vẽ hình ảnh tưởng tượng về mẹ theo trí nhớ của người sáng mắt... hoặc của em bé mù (tùy chọn).

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: THỰC HÀNH KÝ ỨC THỊ GIÁC VÀ TƯỜNG TƯỢNG

Việc 1: Ôn cái đã biết

GV – Em nói xem ký ức từ thị giác giúp gì cho tưởng tượng?

HS:

- Nhớ được hình ảnh người thân
- Nhớ được những gì em thích
- Nhớ được màu sắc hình dáng kích thước cây, hoa, nhà, con vật
-

Việc 2: Tiết này chúng ta thực hành: tưởng tượng có nguồn gốc từ ký ức thị giác

Các em nhắc lại nhiệm vụ.

HS:

- thực hành tưởng tượng
- tưởng tượng từ những ghi nhớ thị giác
- tưởng tượng bằng thị giác
- tưởng tượng từ những gì nhìn được

1/ GV phát bài thơ in trên giấy cho HS. Các em cùng học đọc và thi nhau ghi nhớ lời bài hát Bàn tay mẹ.

GV hỏi để kiểm tra HS ghi nhớ thông tin: bàn tay mẹ đã làm những việc gì, mời em kể tên.

GV mời một số em đọc thuộc những gì em nhớ được: 2 câu cuối, 2 câu đầu, nhớ câu nào đọc câu đó.

2/ Em nhớ lại, bàn tay mẹ đã làm gì cho các em.

3/ Đóng kịch câm, các tình huống dựa theo bài thơ trên

- Tay mẹ bế và ủ ấm cho con ngày đông lạnh

- Tay mẹ quạt mát cho con trưa hè nóng và mất điện
- Tay mẹ nhặt rau, làm cơm cho con ăn
- Mẹ xoa dầu, đánh cảm cho con khi con ốm

4/ GV chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 2 bạn, các bạn kể lại cho nhau nghe một kỷ niệm: Mình nhìn thấy một điều tốt đẹp mà một người khác đã làm cho mình.

- Em kể lại cho cả lớp nghe câu chuyện mình nghe được.
- Em viết lại câu chuyện của bạn hoặc vẽ lại câu chuyện của bạn.

Việc 3: Sơ kết tiết học

GV – Hôm nay học gì?

HS:

- Trí nhớ bằng mắt nhìn (trí nhớ thị giác) và tưởng tượng.
- Tưởng tượng phải nhìn thấy
- Nhìn được thì tưởng tượng được

Nên có bài tập về nhà em nào thích thì làm:

Về nhà, em tưởng tượng lại lớp học tưởng tượng và viết để kể lại **em đã làm gì trong một tiết học đó.**

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: TRÍ NHỚ THÍNH GIÁC VÀ TƯỜNG TƯỢNG

Ôn cái đã biết:

- Tường tượng là làm việc thầm trong đầu – “làm ra cái gì” cái đó cũng chỉ ở trong đầu.
- Trí nhớ thị giác → con mắt bên ngoài và con mắt bên trong →
- NHÌN → NHỚ – TƯỜNG TƯỢNG theo “con mắt bên trong đó”.

Học cái mới: trí nhớ thính giác

- Lắng nghe và tự ghi lại trả lời vào giấy (gạch đầu dòng):

Dưới đường phố có những âm thanh gì?

Âm thanh phát ra từ vật gì và việc gì?

- Lý giải bằng lời: TẠI SAO em biết (kỷ niệm gì, việc gì) đó là âm thanh phát ra từ cái vật đó hoặc do cái việc đó?
- Luyện tập:
 - Em có nghe câu hát ru bao giờ chưa? Hãy kể lại kỷ niệm về câu hát ru.
 - Em có được mẹ (bố, ông, bà, anh, chị, hàng xóm...) khen bao giờ chưa? Lời lẽ ấy như thế nào?
 - Em có bao giờ nghe một lời mà muốn khóc vì tủi thân không?
 - Em có bao giờ nghe một lời bất công chưa?

Sơ kết: Học về “cái tai bên trong”

Tiết luyện tập

Ôn cái đã biết tiết trước:

- Tưởng tượng – nguồn gốc “cái tai bên trong”

Luyện tập

- nội dung tiết này rất hay nhưng mà khó.
- Cô sẽ đưa các bạn xem một tác phẩm của nhà thơ Apollinaire (ghi bảng và yêu cầu phát âm lại học thuộc tên tác giả A-pô-li-ne).
- Bài thơ có tên là “Mưa rơi” (Il pleut → phát âm I-ple) (ghi bảng và yêu cầu phát âm lại học thuộc tên bài thơ).

Cô đưa bài thơ cho từng em.

- Các em nói lại tên tác giả (tập thể, cá nhân) – nên nhớ việc nói lại đúng tên này cũng là “trí nhớ thính giác”.
- Các em nói lại tên tác giả (tập thể, cá nhân).
- Nghĩa của bài thơ này là gì? (“Mưa rơi”)

Các em chú ý làm việc theo cô:

- Lấy ngón tay chỉ vào tên bài thơ.
- Nói “Il pleut.
- Nói “mưa rơi”
- Lấy ngón tay chỉ vào những hàng chữ xiên xiên trong bài thơ.
- Nói “Il pleut”.
- Nói “mưa rơi”.
- Nhắm mắt lại và lắng nghe đang có tiếng mưa trên mái nhà...
- Nói “mưa đang rơi lác rắc” “lác rắc...”, “lác rắc...” “lác rắc...”

- Nói “Nước ngập đường phố rồi”.
- Nói “Khổ thân bà hàng rau vừa bị ngã...”.
- Nói “Ô tô vừa phóng qua...” Nước bắn tung “rẹt... rẹt... rẹt...”.

Ghi bảng giao nhiệm vụ:

Các em tự chọn và viết vào tờ “Mưa rơi” cô vừa cho (có thể in sẵn sau bài thơ):

Bài tập tự chọn:

Bài 1: Em kể một kỷ niệm có tiếng mưa rơi.

Bài 2: Em viết mấy câu đối thoại giữa hai người trong khi mưa rơi.

Bài 3: Em tưởng tượng em gặp nhà thơ Apollinaire. Em và ông ngồi dưới mái nhà nhìn ra mưa nghe tiếng mưa và nói chuyện với nhau. Em ghi lại những lời em và nhà thơ nói với nhau.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: Củng cố khái niệm “Cái tai bên trong” CỦA TƯỜNG TƯỢNG

Khái niệm

1./ Ôn cái đã biết:

- Con mắt bên trong (cho ví dụ nhanh).
- Cái tai bên trong (cho ví dụ nhanh).

2./ Học bài mới (luyện tập)

(a) Cho HS tự đọc bài thơ, sau đó GV và HS quay lại dẫn với từng đoạn bài thơ “Tiếng văng kêu” của Trần Đăng Khoa.

(b) Đọc và học thuộc đoạn đầu.

Kéo ca kéo kẹt

Kéo ca kéo kẹt

Tay em đưa đều

Ba gian nhà nhỏ

Đẩy tiếng văng kêu

Thảo luận: tại sao có âm thanh *kéo kẹt*?

– GV và HS cùng tả cái văng – nhấn vào tả việc *đưa văng* thì mới gây tiếng văng kêu.

– Tả cảnh chị em nằm văng và đưa văng bồng tít bằng cách đóng vai cảnh ba chị em đưa văng. Ba em ngồi khoác vai nhau “đưa văng”. Cô giáo dùng tay mô tả văng đu lên cao... xuống thấp... Khi cô đưa văng lên cao thì các em cùng ngả người ra... Thi xem nhóm nào làm giống cảnh đưa văng.

– GV giảng: Tiếng văng nghiêng vào cột nhà nghe *kẹt... kẹt... kẹt...* Diễn tả thành từ láy *kéo kẹt* và biến hóa láy kép thành *kéo cà kéo kẹt*. HS đọc đồng thanh đoạn thơ đầu.

(c) Đọc thầm các đoạn thơ tiếp theo còn lại.

– Cho em những từ sau (ghi bảng, HS trả lời bằng viết vào giấy), từ nào giống với cảnh đưa vống nói trong bài thơ: *êm đềm – nhẹ nhàng – náo động – buồn ngủ – náo loạn – quay cuồng – mơ màng – yên tĩnh*.

– Sơ kết (ghi bảng): HS chọn những từ nào và bỏ những từ nào? Nói to những từ các em cùng chọn. (Nếu có từ em nào đó chọn khác với cả lớp, cho em đó lý giải vì sao chọn từ đó).

(d) Tình huống để HS tự đóng vai: HS chia cặp 2 em – Rút thăm tình huống – Đọc thầm và bàn nhau diễn.

Các tình huống GV cho để từng nhóm chọn:

Tình huống 1: Hai em, đóng vai chị 8 tuổi và em 2 tuổi. Mẹ đi làm đồng. Em nhớ mẹ khóc. Chị cùng em đưa vống, chị nói với em một câu gì đó để dỗ cho em hết khóc.

Tình huống 2: Hai em, đóng vai anh trai 8 tuổi và em 2 tuổi. Hai anh em đưa vống cao quá, em bị ngã khóc nhè, anh dỗ em.

Tình huống 3: Hai em, một em là bà của em kia. Hai bà cháu đưa vống và bà hát ru một câu cho em ngủ.

Tình huống 4: Hai em, một em là mẹ của em kia. Hai mẹ con ngồi vống, mẹ dạy con đọc mấy câu thơ đầu bài *tiếng vống kêu*.

3./ Sơ kết.

- Hôm nay luyện tập điều gì?
- Có điều gì mới hôm nay so với các tiết học trước?

- Thi đọc diễn cảm những câu thơ mở đầu bài thơ đã học.

Luyện tập

1./ Ôn cái đã biết: bằng cách cho HS thi đọc thuộc khổ thơ đã học.

2./ Luyện tập đọc thầm và tưởng tượng

Em tự đọc bài thơ. Em tự chọn một đoạn thơ ngắn. Em kể lại: qua khổ thơ đó, CÁI TAI BÊN TRONG CỦA EM NGHE THẤY GÌ?

Làm lần lượt từng em. Có thể nói. Có thể đóng kịch câm.

3./ Luyện tập viết cuối tiết

Em tự nghĩ ra và viết 4–5 câu đối thoại giữa hai con cò đậu trên cành tre nghe tiếng văng trong nhà anh Trần Đăng Khoa.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: TƯỢNG TƯỢNG BẮT NGUỒN TỪ CẢM NHẬN

I. Khái niệm

Vật liệu để tìm ra khái niệm cảm nhận là bài thơ *Sao không về, Vàng ơi!* (Trần Đăng Khoa)

Tao đi học về nhà
Là mây chạy xô ra...
Đầu tiên mây rối rít
Cái đuôi mừng ngoáy tí
Rồi mây lắc cái đầu
Khịt khịt mũi, rung râu
Rồi mây nhún chân sau
Chân trước chồm, mây bắt
Bắt tay tao rất chặt
Thế là mây tắt bật
Đưa vội tao vào nhà
Dù tao đi đâu xa
Cũng nhớ mây lắm đấy

Hôm nay tao bỗng thấy
Cái cổng rộng thế này!
Vì không thấy bóng mây
Nằm chờ tao trước cửa
Không nghe tiếng mây sửa
Như những buổi trưa nào
Không thấy mây đón tao
Cái đuôi vàng ngoáy tí
Cái mũi đen khịt khịt

Mày không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!
Sao không về hả chó?
Nghe bom thăng Mỹ nổ
Mày bỏ chạy đi đâu?
Tao chờ mày đã lâu
Cơm phần mày để cửa
Sao không về hả chó?
Tao nhớ mày lắm đó
Vàng ơi là Vàng ơi!

Trần Đăng Khoa

1967

Việc giao cho các em:

1./ Đọc thầm bài thơ. Viết câu trả lời:

(a) Bài thơ kể chuyện gì?

(b) Đặt tên khác cho bài thơ.

2./ Đọc thầm và đọc to 2 câu thơ “Hôm nay tao bỗng thấy cái cổng rộng thế này”. Đọc tiếp cả đoạn đó cho đến “Tay tao buồn làm sao”.

3./ Đóng kịch: Em đi học về được con chó đón mừng tíu tít. Em nói với con chó một câu.

4./ Đóng kịch:

(a) Em đi học về được con chó đón mừng tíu tít.

(b) Đóng kịch “hôm nay tao bỗng thấy cái cổng rộng thế này”.

5./ Thảo luận:

Cái cổng vẫn y nguyên như cũ hay rộng ra thật?

(a) Tại sao lại “thấy cái cổng rộng thế này”.

(b) Những kinh nghiệm mắt nhìn, tai nghe, tay sờ, mũi

ngủ... như thế nào khiến cho có cảm giác bất chợt
“bỗng thấy”...? Và đó chính là *cảm nhận*.

6./ Thảo luận sơ kết: Học gì? Cảm nhận thì làm gì trong
đầu?

Nghĩ một điều gì đó liên quan thế nào với con mắt và cái
tai bên trong?

II. Luyện tập

HS chia nhóm, bốc thăm nhận tình huống rồi tự nghĩ
trò chơi đóng vai.

Các phiếu tình huống – chú ý cảm nhận cảnh ngộ vui
buồn, ứng dụng cả con mắt bên trong, cái tai bên trong và
những cách cảm nhận khác:

(1) Tình huống 1: Một em đóng vai *bà* đọc thư và
buồn.

Một em đóng vai *cháu* thấy bà đọc thư xong thì như
là muốn khóc (có thể khóc). Em và bà làm gì khi
đó?

(2) Tình huống 2: Một em đóng vai *mẹ*, một em đóng
vai *con*.

Người con nhận thấy bố mẹ mình hình như cãi
nhau. Em đó tìm hiểu để tháo gỡ xung đột gia
đình mình cho bố mẹ lại yêu nhau hơn.

(3) Tình huống 3: Một em đóng vai *bà* một em đóng
vai *em bé bán vé số*. Bà thấy cháu đi bán vé số về
và cảm thấy cháu có chuyện gì đó rất vui. Em đóng
vai *bà* tìm hiểu niềm vui của *cháu*, và cháu chia sẻ
với bà.

(4) Tình huống 4: Một em đóng vai *ông* đang nằm

bệnh viện. Một em đóng vai *cháu* vào bệnh viện thăm ông. Hai em đóng vai hai nhân vật đó hãy nghĩ ra một tình huống vui hoặc buồn và trao đổi với nhau.

Bài tập viết: Em ghi lại những đối thoại trong một tình huống vừa diễn mà em thích.

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: TƯỚNG TƯỢNG HOANG ĐƯỜNG

Lời dẫn:

Nếu muốn tìm nguồn gốc của tướng tượng hoang đường thì phải tìm trong cội *vô thức* của sự bất lực của con người trước những hiện trạng không thể vượt qua được. Khi đứng trước những cảnh huống đó, con người chỉ còn biết nguyên rủa, chịu thua, và *tướng tượng* một sự trả thù bằng một quyền năng *mạnh hơn, cao hơn, xa hơn, nhanh hơn*.

Nhưng ta không thể dạy trẻ em trả thù. Đành khoanh vùng vào cái miền gọi bằng *mơ ước* vậy! Mơ ước khỏe hơn, chạy nhanh hơn, đi xa hơn, bắn trúng hơn... những “kẻ địch” nào đó. Trong những mơ ước đó, Tiên, Phật, Bụt và những phép lạ tạo thành nhóm tướng tượng hoang đường.

TIẾT 1 VÀ 2

Việc 1: Ôn cái đã biết.

- Tướng tượng là làm việc thâm trong đầu.
- Sản phẩm của tướng tượng nằm ở trong đầu.
- Con mắt nhìn và ghi lại trong sâu thẳm tâm tư mình (con mắt bên trong) và cái tai bên trong tạo thành cơ sở cho những tướng tượng đơn giản nhất.

- Sự cảm nhận nhờ trải nghiệm của con mắt bên trong, cái tai bên trong và các giác quan khác cũng tạo thành cơ sở cho tưởng tượng.

Việc 2: Học cái mới – Tưởng tượng hoang đường.

(1) HS nhắc lại nhiệm vụ: tưởng tượng “hoang đường”.

(2) Cho HS kể và diễn đoạn Tắm Cám đi bắt cá. Qua cách diễn vai để phân tích *tình huống không lối thoát, giải pháp tưởng tượng hoang đường*:

- Cảnh 1: Tắm bắt cá hì hụi, Cám tung tăng đuổi bướm (hai em diễn – gợi ý lời thoại bên dưới).
 - Cám ơi, xuống bắt cá đi...
 - Kệ chị, em bắt con bướm này đã...
 - Em hư quá... chị mách mẹ cho đấy!
 - Chị chả mách mẹ bao giờ! Em cứ chơi...
 - Hư quá là hư!... (*Tắm tiếp tục bắt cá*)
- Cảnh 2: Cám bảo Tắm đi gọi đầu, Tắm nhờ trông giỏ cá (hai em diễn – gợi ý lời thoại bên dưới).
 - Chị Tắm ơi chị Tắm đầu chị lắm...
 - Thật à? Đầu chị lắm bùn à?
 - Chị hụp cho sâu kéo về mẹ mắng...
 - Trông giỏ cho chị nhé... (*Tắm gọi đầu, Cám trút giỏ cá*).
- Cảnh 3: Cho HS đọc diễn, gợi ý điệu bộ vai Tắm.
 - khi dưới nước ngoi lên,
 - khi không thấy Cám,
 - gọi em, tìm giỏ cá, thấy hết cá trong giỏ...

(3) Diễn cảnh gặp Bụt và phân tích ý nghĩa của tưởng tượng hoang đường.

- Bụt hiện lên: sao con khóc?
- Tấm:.....
- Bụt: Con tìm xem trong giỏ có còn gì không?
- Tấm:.....
- Bụt: Thôi đừng khóc nữa... còn một con cá cũng quý... con đem về nuôi... nhớ khi cho cá bống ăn thì con gọi thế này... con nhắc lại đi...
- Tấm: “Bống bống bang bang lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta...”

(4) Sơ kết: Các em học được điều gì?

- Đặt tên cho điều mới học được: tùy HS chọn, rút lại “Tưởng tượng hoang đường”.
- Hoang đường là gì? Tổ chức cho HS giải nghĩa hoang đường bằng các cách sau:
 - Tấm nằm trong hoàn cảnh gì? Buồn, sợ mẹ kế đánh, tuyệt vọng, không lối thoát.
 - Tưởng tượng hoang đường để thoát khỏi cảnh đó. Nghĩ đến Bụt. Bụt hiện. Bụt không có thực trong cuộc sống thực. Bụt là hoang đường.
- Thực hành: Em gặp một con quái vật chạy rất nhanh, em tưởng tượng một phương tiện hoang đường để thoát con vật chạy rất nhanh đó (*Đôi hài bảy dặm... Tôn Ngộ Không...*).

- Thực hành: (HS và GV cùng tìm, đồ nhau về những tình huống không có lối thoát, và khi đó xuất hiện một *ước mơ hoang đường* – cùng tìm ví dụ).

(5) Ghi vở thế nào?

- Tưởng tượng hoang đường là gì? (Trả lời nói và viết)
- Trả lời bằng hình vẽ Bụt và Tấm.
- Vẽ hình ảnh khác.

LỚP 3



I. Yêu cầu chung

- Nhiệm vụ của năm học: Liên tưởng
- Mục đích: Tạo ra một ý
- Thời lượng: 4 tiết / tuần

II. Cách tổ chức giờ học

1. Tổ chức cho học sinh tưởng tượng để có hình tượng gốc

Theo quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ, thao tác đầu tiên của ngữ pháp nghệ thuật là học sinh phải tưởng tượng để có một hình tượng. Thế nhưng thao tác tưởng tượng mới chỉ giúp tạo ra một hình tượng rời rạc, mờ lung. Để cho hình tượng đó thực sự mang tính chất nghệ thuật, còn cần đến một phương diện thứ hai: một *ý nghĩa nghệ thuật* nhất định.

Hình tượng như cái *vỏ ngoài* và cái ý nghĩa như cái *tinh thần bên trong* là hai phương diện không thể tách rời khỏi nhau. Một hình tượng bao giờ cũng mang một ý nghĩa nào đó. Nhưng ở trường phổ thông, vì lý do sự phạm, ta phải tách hai mặt đó ra, và tổ chức cho học sinh tự tạo cho mình năng lực thực hiện hai *thao tác*:

- Một năng lực tiến hành thao tác *tưởng tượng* để tạo ra một hình tượng (đã học ở lớp 2);
- Một năng lực tiến hành thao tác *liên tưởng* để tạo ra một ý nghĩa cho hình tượng (nay được học ở lớp 3), sao cho hình tượng đó thoát khỏi trạng thái “thô” ban đầu và để được mang một phẩm tính nghệ thuật.

Một vài ví dụ sau đây sẽ giúp ta nhận ra hai thao tác đó cùng hai sản phẩm do hai thao tác đó tạo nên:

- Một hình ảnh hòn đá có dáng đứng như người mẹ bồng con và một ý nghĩa cũng gửi trong hòn đá đó nay đã mang tên gọi, ví dụ như “Người chờ chồng hóa đá” – (“Hòn vọng phu”).
- Một hình ảnh mẹ con cùng chiếc bóng trên vách “*cha của Dân đó...*” và nỗi oan khiến toàn bộ hình tượng được mang ý nghĩa một sự hy sinh thầm lặng *chỉ cái chết mới giải oan nỗi* – (“Thiếu phụ Nam Xương”).
- Một hình ảnh *Ban nhạc thương binh ngày 27 tháng 7* và khi học sinh cùng nhau diễn xuất thì đã khiến cho toàn bộ hình tượng đó mang một ý nghĩa khác, *thương binh tàn nhưng không phế* – (bài tập trong sách này).

2. Nguyên tắc chung của việc học thao tác *liên tưởng* là *thay vật liệu*: thay một hình tượng này bằng một hình tượng khác (diễn ra trong đầu)

- Thay từ vật liệu dễ nhất, để tìm ý nghĩa của tục ngữ chẳng hạn:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây → thay “ăn quả” bằng “ăn cơm...? qua sông...? học giỏi...?...” thì “nhớ” ai, “nhớ” cái gì?

- Thay đến vật liệu khó hơn, ví dụ như để tìm ý nghĩa của bài ca dao:

Thùng thùng trống đánh ngũ liên... Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa → thay “nước mắt” người lính thú bằng *lời nói* của người đó với vợ, với người yêu, với mẹ già, với cha, với bạn học...

- Thay cả một hình tượng, ví dụ để tìm ý nghĩa của *Hòn vọng phu* → huy động trí tưởng tượng để thay toàn bộ hình tượng đó bằng hình tượng khác, xúc động hơn, mãnh liệt hơn...

Vậy muốn thay vật liệu thì phải hiểu được nghĩa của vật liệu, ban đầu từ nghĩa đen, sau đó mới sang nghĩa bóng.

Ví dụ: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

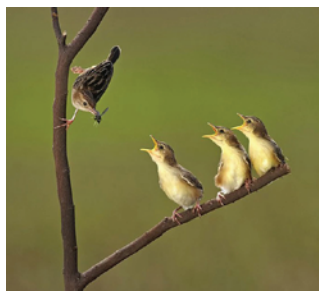
“Ăn quả” → thay bằng “ăn cơm”, “mặc áo”, “đi học”...

“Kẻ trồng cây” → thay bằng “người cày ruộng”,

“người dệt vải”, “người dạy dỗ”...

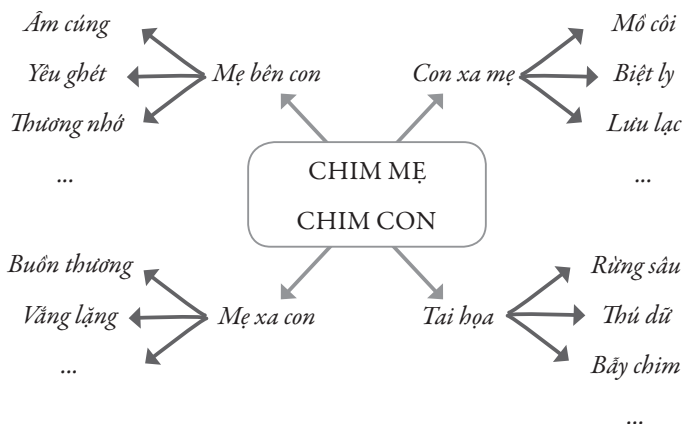
“Nhớ” → “biết ơn”...

- Lập sơ đồ liên tưởng: Ví dụ, xem bức tranh sau



1. Liên tưởng gần: tình mẹ con → hạnh phúc
2. Liên tưởng xa: mẹ xa con → đau khổ
3. Liên tưởng đối: sự độc ác → cái bất ngờ

Sơ đồ liên tưởng:



3. Biểu đạt ý của hình tượng ra bằng lời

Cách hay nhất để biểu đạt được ý của hình tượng là yêu cầu các em đặt cho hình tượng đó một cái tên.

Ví dụ, em nghĩ ra một đoạn kịch, em đặt tên cho đoạn kịch.

Nghĩ đến mẹ, em tưởng tượng được hình ảnh của mẹ, tình cảm của mẹ dành cho em, em liên tưởng đến điều gì? Em vẽ ra thành một bức tranh và cuối cùng em đặt tên cho bức tranh đó.

Cái tên phải ngắn gọn và mang ý của em khi em liên tưởng.

III. Một số thiết kế giờ học mẫu

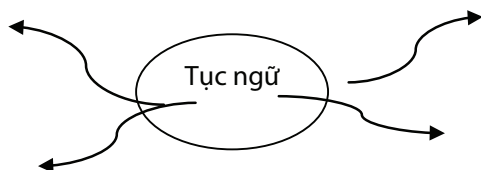
KẾ HOẠCH GIỜ HỌC BÀI: LIÊN TƯỢNG

Vật liệu:

Câu tục ngữ “CHỖ THẤY SÓNG CẢ MÀ NGÃ TAY CHÈO”

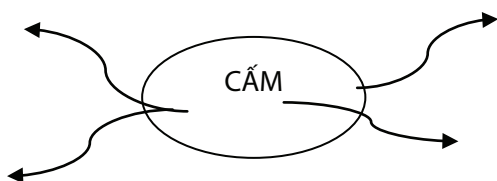
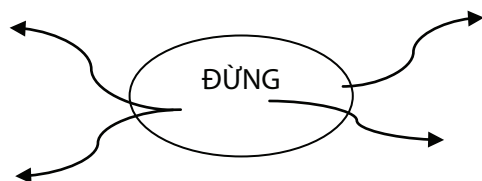
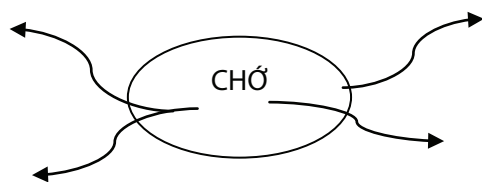
TIẾT 1 – Thao tác đi tìm liên tưởng từ nghĩa đen.

Tìm nghĩa của **tục ngữ**: Khi nghe nói “tục ngữ”, em liên tưởng tới gì? Liên tưởng nào gần với nghĩa đúng, liên tưởng nào xa và sai?

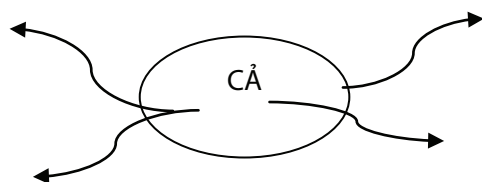


Sẽ có SAI và ĐÚNG nhưng nói chung là HOANG MANG không biết thế nào là sai và là đúng. Làm tiếp các việc nhỏ bên dưới:

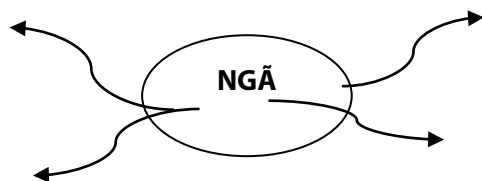
CHỖ – Các em nói một câu (viết ra nháp) có tiếng **chỗ**
CHỖ, ĐỪNG, CẤM – Các em nói một câu (viết ra nháp) có tiếng **chỗ, đừng, cấm**



SÓNG CẢ – Các em tìm từ đồng nghĩa với CẢ bằng sơ đồ liên tưởng



NGÃ (TAY CHÈO) – Các em tìm từ đồng nghĩa với NGÃ (tay chèo) bằng sơ đồ liên tưởng



CHỚ THẤY SÓNG CẢ MÀ NGÃ TAY CHÈO –

Các em nghĩ thầm, thay cả câu đó bằng một câu có cùng nghĩa, viết ra giấy rồi nói trước cả lớp. Nói câu vừa rồi với điệu bộ.

- **Tự rút ra kết luận: TỤC NGŨ là lời nói con người DÙNG ĐỂ LÀM GÌ?**

Bài tập nhanh – Cùng tìm tục ngữ làm dẫn chứng về lời khuyên.

- Trời mưa, bạn ngại đi học à? Chớ thấy sóng cả...!
- Bạn không biết thổi cơm à? Tập làm đi, chớ thấy...!
- ... gì nữa?

TIẾT 2 – Cùng tìm nghĩa bóng của tục ngữ.

Nhiệm vụ – Cùng nghĩ một câu chuyện để có thể kết luận câu chuyện đó bằng câu tục ngữ **CHỚ THẤY SÓNG CẢ MÀ NGÃ TAY CHÈO**.

Thao tác 1: Cùng nghĩ một người **ngã lòng** (thất bại, bỏ cuộc, không tiếp tục làm, chịu thua, hèn nhát...) Nói một lời của người đó khi bỏ cuộc.

Thao tác 2: Kể câu chuyện em tưởng tượng ra về khó khăn khiến người đó bỏ cuộc.

Thao tác 3: Thảo luận: Bỏ cuộc vì sao? Có thể dùng câu tục ngữ “Chớ thấy sóng cả...” để khuyên không?

Viết bài.

Chú ý: Kèm theo bài viết, cho học sinh cái quyền được vẽ minh họa (đó là một cách để các em nói rõ thêm ý tưởng của mình).

Còn có thể cho học sinh dựa trên bài viết của mình

(có thể chưa hay) mà kể câu chuyện đó theo cách kể riêng của em.

Khuyến khích từng cặp hoặc nhóm nhỏ diễn vở kịch có nội dung vừa viết.

KẾ HOẠCH DẠY TIẾT LUYỆN TẬP: “LIÊN TƯỜNG VÀ NÓI KHÉO”

Việc 1: Ôn cái đã biết

- Đã học tưởng tượng → tạo ra một hình tượng.
- Đã học liên tưởng → tìm ra một nghĩa bóng của hình tượng.

Việc 2: Làm bài tập lớn (1) Liên tưởng và nói khéo

Khái niệm nói khéo và liên tưởng

TIẾT 1: Tìm khái niệm, lý giải thái độ nói khéo khi dùng liên tưởng.

GV cho HS đọc thâm văn bản “Có con giun đất”

a./ Đóng kịch các quan ăn uống, lính hầu đứng bên quạt cho.

b./ Đóng kịch “Hòn ngọc minh châu”

- Nói khéo có nhờ vào liên tưởng không? Sơ đồ liên tưởng thế nào? Tại sao chọn “hạt ngọc” mà không chọn các liên tưởng khác?

(Hình ảnh thật: hạt cơm → *Nếu liên tưởng ghét?*

Liên tưởng 1 (ghét): con bọ xít → *Nếu liên tưởng đùa?*

Liên tưởng 2 (đùa): hạt ngô → *Nếu liên tưởng nghịch?*

Liên tưởng 3 (nghịch): lá rau → *Nếu liên tưởng ghét?*

Liên tưởng 4 (ghét): vẩy cá → *Nếu liên tưởng ghét?*

Liên tưởng 5 (ghét): miếng ớt *Nếu liên tưởng...?*

- Tại sao anh lính hầu này lại dùng từ “hòn ngọc” để nói về hột cơm trong bộ râu quan chủ?

.....
Từ một hình tượng gốc →

Liên tưởng →

Chọn lời nói khéo

Lời nói khéo thể hiện thái độ người nói
.....

TIẾT 2: Luyện tập: tìm khái niệm, lý giải thái độ nói khéo khi dùng liên tưởng.

- c./ Đọc lại bài “Có con giun đất” để nối lại mạch câu chuyện.
- d./ Vẽ lại sơ đồ liên tưởng.
- e./ Đóng kịch “Con giun đất” (nhưng với những cách đóng khác nhau diễn tả tâm tính anh lính hầu):
 - anh lính hầu thật thà, muốn nịnh mà không nịnh được.
 - anh lính hầu thông minh láu lỉnh chơi xỏ chủ.

TIẾT 3: Luyện tập cuối bài về nói khéo khi dùng liên tưởng.

Em hãy viết một đoạn văn nối dài thêm câu chuyện “Có con giun đất”.

Bài tập về nhà: Tự chọn, hoặc làm tất cả các bài tập sau trong sách giáo khoa trang 16:

Các em viết lời *nói khéo* thay thế *các từ ngữ in nghiêng* trong các câu sau:

MẪU:

- Thưa thầy, *thầy đang hút thuốc* ở chỗ đông người ạ!
- Thưa thầy, có mấy em bé ngồi ở chỗ kia bị ho sặc sụa ạ!

LÀM TIẾP:

- Bạn ơi, chỗ đông người mà bạn *nói to quá* đấy, không ai thích cả.
- Mẹ ơi, con rất muốn *xin tiền mẹ* mua một quyển sách mới rất hay!
- Bố ơi, con rất muốn mua *vé đi xem đá bóng* trận chủ nhật này.
- Bà ơi bà, bà *kể cho cháu nghe* một chuyện cổ tích đi.
- Anh ơi, tại sao anh thấy bác ấy *vác nặng* thế, anh *không giúp* thì thôi, anh lại còn cười người ta?
- Cháu thấy bác quanh năm *cúng bái* mà chẳng thấy bác khỏe lên!
- Lạ thật đấy, nhà bác vẫn *chơi số đề* à?
- Bác à, sao hôm nào cháu cũng thấy *bác đánh con*?

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC BÀI LIÊN TƯỢNG – NÓI NGƯỢC

Ôn nhanh cái đã biết:

1. Tưởng tượng → con mắt bên trong → cái tai bên trong → tưởng tượng hoang đường (ngõ cụt)
2. Liên tưởng → ý của tác phẩm → liên tưởng nói khéo → Hôm nay liên tưởng gì sẽ nói sau...

Việc 1: Nói nghĩa đen = nói thật

GV cho HS nhìn vật thật và NÓI THẬT (GV chuẩn bị vật thật)

- Hai cái que dài ngắn khác nhau, dài nói “dài”, ngắn nói “ngắn”.



- Hai màu đen trắng khác nhau (có vật thật).



- Hai hình tròn vuông khác nhau (có vật thật).



Việc 2: Ôn lại nói khéo (không hoàn toàn nói thật)

- Ôn lại → bài “Con giun đất”
- “Ngọc minh châu”, nói thật sẽ nói thế nào?
- “Con giun đất”, nói thật sẽ nói thế nào?
- Bài tập tại chỗ: Các em không hoàn toàn nói thật khi:

- Thấy cô mặc áo rách hở rốn
- Thấy bạn mặc quần rách hở mông
- Thấy khách đến nhà nói to (nhà có cháu ốm), hút thuốc (nhà có người ho), khạc nhổ (nhà thích giữ vệ sinh)

Việc 3: Học nói ngược

3.a./ Nói ngược “theo nghĩa đen”:

- Cái nào dài cái nào ngắn

- Cái nào đen cái nào trắng



- Cái nào tròn cái nào vuông



3.b./ Thảo luận: Tại sao nói ngược? (Cụ thể hóa: Cao / lùn – Giỏi / dốt – Chăm / lười...

Tại sao ta nói:

- với một người dốt là người đó giỏi? (người đó kiêu ngạo)
- với một lười là người đó chăm? (người đó không biết mình)
- với một người lùn là người đó cao? (người đó không biết phận mình)

3.c./ Các em luyện tìm từ trái nghĩa của

- chăm /...

- giàu /...
- yêu thương cha mẹ /...
- thương đồng bào nghèo /...
- chăm tập thể dục /...
- biết lo xa /...

.....

Học nói ngược
nhưng không nhằm nói sai
nhằm nói năng tinh tế (từ đồng nghĩa, trái nghĩa)
nhằm diễn đạt khéo léo trong đời sống văn minh.

.....

Bài tập về nhà: Tùy chọn

- (a) nghĩ một câu chuyện kết thúc bằng câu tục ngữ “tốt gỗ hơn tốt nước sơn...”
- (b) câu trả lời nói ngược với hoa hậu “Nhìn thấy cô, tôi cảm thấy rất là...”

LỚP 4



I. Yêu cầu chung

- Nhiệm vụ của năm học: (Bố cục) Sắp xếp
- Mục đích: Tạo ra một chủ đề
- Thời lượng: 4 tiết / tuần

II. Cách tổ chức giờ học

1. Cách dùng thuật ngữ “Bố cục” và “Sắp xếp”

Các bạn lưu ý, nhiệm vụ của năm học là học Bố cục một tác phẩm nhưng không phải là cách học một bố cục có sẵn rồi tán thưởng về nó mà học sinh lớp 4 học bố cục của một tác phẩm nghệ thuật do chính tay các em – người làm ra tác phẩm nghệ thuật đó sắp xếp.

2. Chiếm lĩnh khái niệm và luyện tập thao tác sắp xếp

- Giáo viên lấy một số vật liệu cùng loại, ví dụ một số

hòn sỏi, hòn cuội lớn nhỏ đặt vào một chỗ.

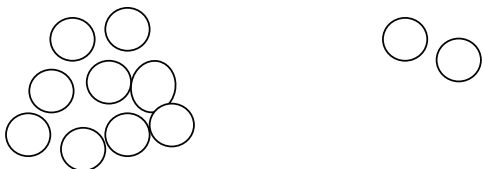
- Giao việc cho các em: Tưởng tượng đồng cuội đó là một gia đình, sắp xếp lại đồng cuội đó sao cho có một người con xa nhà.

HS tự mình sắp xếp.



- GV giao việc tiếp: Em hãy đặt cho tác phẩm của mình một cái tên theo ý định sắp xếp của em.
- Cũng với đồng cuội đó, em sắp xếp sao cho có hai người lính bị thương nằm lại ở chiến trường xa đồng đội.

HS tự sắp xếp và đặt tên cho phù hợp.

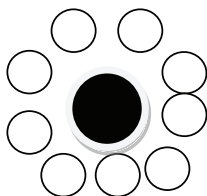


Cứ như thế, giáo viên có thể thay bất kỳ tình huống nào để các em tự nghĩ ra và sắp xếp.

- HS rút ra khái niệm: Bố cục là sắp xếp các hình tượng nghệ thuật để tạo ra một ý nghĩa khái quát nhất. Ý nghĩa khái quát được gói gọn trong cái tên của tác phẩm.
- Khi luyện tập, GV cho HS làm đi làm lại thao tác xuôi và thao tác ngược.
 - + Cho ý tưởng trước, học sinh sắp xếp theo ý tưởng đó rồi đặt tên. (như trên)

- + Cho tác phẩm đã được bố cục trước, học sinh tự đặt tên theo cách của mình. Ví dụ: Em đặt tên cho tác phẩm sau.

Hướng dẫn học sinh các bước: Quan sát tác phẩm, em tưởng tượng đến điều gì, nghĩ xem cách sắp xếp ở đây là gì và nó biểu đạt ý gì, đặt một cái tên khái quát nhất cho ý đó.



- + Đảo ngược sắp xếp:
 - Cho tác phẩm đã có bố cục sẵn, yêu cầu học sinh đặt tên tìm ra chủ đề của tác phẩm đó.
 - Đảo ngược, thay đổi bố cục của tác phẩm, yêu cầu học sinh đặt lại tên.

3. Cách dùng vật liệu để sắp xếp

- GV tùy chọn dùng vật liệu để tìm quen thuộc xung quanh các em như sỏi, lá, gỗ... và từng tình huống khác nhau thì chọn vật liệu khác nhau để các em hiểu rằng có thể thay đổi vật liệu.
- Khi đã thành thạo khái niệm sắp xếp, GV cho các em dùng chính cơ thể mình làm vật liệu, đó là trò sắp đặt bằng người qua các hoạt cảnh về trẻ em, bộ đội, học sinh...
- Kịch bản của nhóm Cánh Buồm chính là thao tác sắp xếp, tự mình tham gia vào nghệ thuật, ở mức độ tinh tế nhất, ở cái không lời.

4. Luật của thao tác sắp xếp

Muốn sắp xếp một tác phẩm để tạo ra một tư tưởng, theo một chủ đề thì việc sắp xếp đó cần phải có luật. Ở đây cho học sinh học một cái mẫu chung nhất của luật bố cục, luật đó áp dụng vào tất cả các loại hình nghệ thuật khác, đó là luật thơ Đường.

- Cách xử lý vật liệu: Vật liệu được chọn là bài thơ “Qua đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan. Với vật liệu này, học sinh lớp 4 **không đi vào phân tích bình giảng bài thơ** mà tự mình đi lại con đường người sáng tác bài thơ đã đi, để có cảm hứng, để có hình tượng, để có ý của hình tượng, cuối cùng là sắp xếp các hình tượng để tạo ra tư tưởng chủ đề cho tác phẩm.
- Như vậy, người dạy cần tổ chức cho học sinh **làm các việc** sau (khác hẳn với việc giảng cho học sinh nghe về bài thơ): Sản phẩm của mỗi việc / thao tác như thế được các em đặt tên cho nó, sau đó GV thống nhất với các em tên gọi của từng phần.
 - **Việc 1: Tìm ấn tượng cảm xúc ban đầu**
 - + Vào vai một người đi xa quê, nơi mình gắn bó để đến một vùng xa lạ, gặp cảnh chiều tối ở vùng rừng núi hoang vu, quạnh hiu. HS thể hiện được nỗi lòng của mình trong cảnh ngộ đấy. Người xưa gọi phần này là phần Đề.
Sản phẩm của việc 1 là có được cái Tứ.
 - **Việc 2: Triển khai ý của bài thơ**
 - + Tưởng tượng mình là người đang đứng ở đèo Ngang vào lúc chiều tối ấy, đưa mắt nhìn cảnh vật xung quanh, rồi mô tả lại (cỏ cây, hoa lá, con người, sông,

núi...). Người xưa gọi phần này gọi là phần Thực.

- + Tưởng tượng mình là người đang đứng ở đền Ngang, nghe tiếng con chim cuốc, con chim đa đa kêu, mình cảm thấy như thế nào? Liên tưởng đến điều gì? Người xưa gọi phần này gọi là phần Luận. Chỗ này GV phải cung cấp điển tích con chim cuốc, con chim đa đa cho học sinh biết. Yêu cầu các em mô phỏng lại âm thanh con chim cuốc, vẽ sơ đồ liên tưởng...

Sản phẩm của việc 2 là có được các Ý.

- **Việc 3: Kết lại**

- + Em nói một câu khái quát nhất về nỗi lòng của mình lúc này. Người xưa gọi phần này gọi là phần Kết.
Sản phẩm của việc 3 là có được cái Kết.

⇒ Cho HS đặt tên cho toàn bộ sản phẩm mình vừa làm ra.

⇒ GV cho HS vẽ lại sơ đồ các phần mình đã làm ra lên bảng:

Theo cách của người xưa: Đề – Thực – Luận – Kết, gọi là kết cấu thơ Đường.

Theo cách tự các em làm ra sản phẩm thì có: Tứ – Ý – Kết.

Đề	Tứ
Thực	Ý
Luận	
Kết	Kết

- Luyện tập với các bài thơ Đường khác, cũng với ba việc như thế.

- Mở rộng sang các bài thơ khác, không phải thơ Đường, từ những bài ngắn đến những bài dài, cũng với ba việc như thế.
- Mở rộng sang các thể loại truyện, đi từ truyện có dung lượng ngắn đến dài, quy mô nhỏ đến lớn, cũng với ba việc như thế, chỉ khác ở phương thức biểu đạt. Tổ chức cho các em đi theo kết cấu của thể loại.

Tứ	Bối cảnh ban đầu
Ý	Yếu tố đảo lộn
	Bối cảnh mất thăng bằng
	Cứu gỡ bối cảnh
Kết	Bối cảnh cuối cùng

- Mở rộng sang thể loại kịch, làm tương tự theo các bước để đi đến luật của thể loại:

Tứ	Tìm xung đột kịch
Ý	Đẩy xung đột kịch lên cao
Kết	Hạ màn

5. Luyện tập thao tác sắp xếp

- Thao tác xuôi: Cho tác phẩm nghệ thuật có sẵn, em sắp xếp lại để tạo ra sản phẩm cuối cùng.
- Thao tác ngược: Cho tác phẩm nghệ thuật có sẵn, tác phẩm đó đã có bố cục của nó, hãy thay đổi một phần nào đó để phá vỡ kết cấu của nó, làm thành một bố cục mới.
 - + Sách giáo khoa có vật liệu rất hay là bài tập về tượng Lý Thái Tổ.

- + GV có thể lấy một truyện cổ tích bất kỳ, cho các em thay đổi kết thúc của truyện.
- Thao tác đúc: Cho đề tài, em tự nghĩ ra và sắp xếp thành tác phẩm của em. Dạng thao tác này có kiểu bài tập rất hay là em viết tiếp câu chuyện đã kết thúc.

III. Một số thiết kế giờ học mẫu

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC BÀI BỐ CỤC

TIẾT 1 – Khái niệm “sắp xếp” (bố cục)

Việc 1: Ôn cái đã biết.

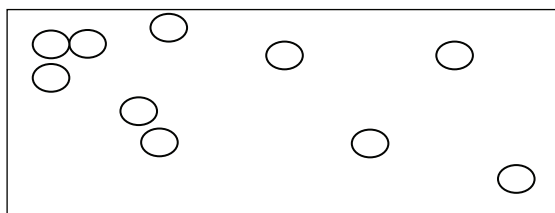
GV – Cho HS ôn lại những điều đã học về Văn.

- Em đã học đồng cảm. Em nhớ lại bài đã học và kể lại ngắn gọn sự đồng cảm của mình, ví dụ: “Em đã học bài qua cầu khỉ... Em đồng cảm với nỗi sợ đi qua cầu chỉ có một cây gỗ của các bạn học sinh vùng sông Cửu Long...”
- Em đã học thao tác tưởng tượng. Em nhớ lại đã tạo ra hình tượng như Tấm... theo truyện Tấm Cám... như thằng Bờm, như...
- Em đã học thao tác liên tưởng. Em nhớ lại đã tạo ra một ý từ hình tượng nàng Tô Thị, đó là lòng nhớ nhung người đi lính xa nhà, lòng chán ghét chiến tranh, cảnh đau buồn thời loạn lạc...

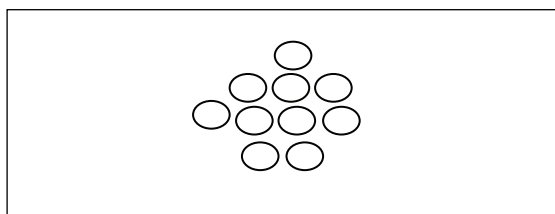
GV – Các em đã học đồng cảm, tưởng tượng và liên tưởng. Hôm nay, sẽ học một thao tác nữa, cuối buổi học, các em tự đặt tên điều đã học.

Việc 2: Học cái mới.

Tình huống 1 – GV giao việc: Tất cả các em mỗi em là một con trâu. Các em đang tản mát xung quanh bãi cỏ để ăn cỏ. (Các em mỗi em một vị trí tản mát giả vờ ăn cỏ (GV vẽ sơ đồ lên bảng, HS tự đặt vài vị trí tản mát đó và bình tĩnh ăn cỏ...)



Tình huống 2 – Bây giờ, cô giả vờ hú to “Có hổ”. Các em là những con trâu, các em làm gì? (HS thu lại thành vòng tròn quay lưng vào nhau, sừng chìa ra ngoài chống hổ)



GV – Cho HS chơi nhiều lần theo cách “bố cục” đó.

- Lần 1 và 2, chơi theo cách HS sắp xếp sau khi GV hô “Có hổ”, và “Hổ đã đi xa”.
- Lần 3 và 4, chơi theo cách GV chỉ vào hình 1 thì HS tản mát đi “ăn cỏ”, GV chỉ vào hình 2 thì HS thu về “chống lại hổ dữ”.

- Lần 5 và 6, chơi theo cách GV vừa chỉ vào hình 1 vừa nói ***cảnh thanh bình*** trâu đi “ăn cỏ”, GV vừa chỉ vào hình 2 vừa nói ***cảnh hiểm nguy*** thì HS thu về “chống lại hổ dữ”.

Việc 3: Sơ kết cái mới đã học được

- GV cho HS thảo luận về điều gì mới học được? Dùng cách đặt tên cho hai “bức tranh” trên bảng để gợi ý dẫn: Tranh 1 có thể có tên ***cảnh thanh bình***. Tranh 2 có thể có tên ***đoàn kết chống hổ dữ***.
- Cho HS đặt nhiều tên khác nhau theo hứng thú, theo tưởng tượng và liên tưởng của các em. Ví dụ: Thanh bình / Giặc đến. Hòa bình / Chiến tranh. Gặm cỏ trên đồng / Chống giặc.
- Cho HS thảo luận: Đặt tên cho công việc vừa làm (bằng người và hình trên bảng) – (Chú ý: GV có thể dùng hai vạch phần để vẽ thêm hai cái sừng cho mỗi con trâu trong tranh). Đó chính là công việc ***sắp xếp*** những hình ảnh tạo thành tác phẩm để cho nó có một ý nghĩa như ta mong muốn.

Bên việc làm (HS chọn) → nhằm tạo ra ý nghĩa gì

sắp xếp	thanh bình / chiến đấu
sắp đặt	đồng vui / lẻ loi
bài trí / bố cục / kết cấu	thái độ đẹp / thái độ xấu

TIẾT 2: Luyện tập

Việc 1: Ôn cái đã học tiết trước.

- Tiết trước học khái niệm sắp xếp (hoặc bố cục) –

Sắp xếp, bố cục tác phẩm để làm gì? Để tạo cho tác phẩm một ý nghĩa.

- Tiết trước đã sắp xếp những hình ảnh gì? Đã sắp xếp người thật là HS của lớp và sắp xếp bằng sơ đồ trên bảng diễn tả đàn trâu ăn cỏ thanh bình và đàn trâu chống hổ dữ đến tấn công.

Việc 2: Luyện tập sắp xếp

- (1) GV cho vật liệu là những viên sỏi (hoặc những hòn gạch, những chiếc dép) tùy theo các nhóm muốn chọn loại “hình ảnh” nào.
- (2) GV cho luyện tập chung một lần theo chủ đề
 - Xếp hàng nghiêm trang (sau đó thay chủ đề) Tự do thoải mái
 - Đoàn tụ (sau đó thay đổi chủ đề) Chia lìa
 - Cùng vui hát múa (sau đó thay đổi chủ đề) Có một người ngồi buồn
- (3) Thực hiện bằng hình vẽ – mỗi em vẽ lại bố cục (a) cảnh đàn trâu ăn cỏ lang thang trên bãi cỏ, và (b) cảnh đàn trâu co cụm lại chống thú dữ. Các em tự đặt tên cho mỗi bố cục của mình.
- (4) Bài tập cho học sinh thích làm thêm: Một con trong đàn trâu bị hổ làm bị thương. Đố em vẽ được cảnh đàn trâu buồn đấy!

TIẾT 3: Luyện tập lớn

Tất cả HS cùng làm tượng theo mẫu Điểm Phùng Thị đã cho trong sách. Nếu không có điều kiện, cho các em chọn những hòn đá to nhỏ khác nhau để thay thế cho từng tượng trong nhóm tượng đó.

Cả lớp sắp xếp lần lượt theo các chủ đề, hoặc phân chia mỗi nhóm làm một chủ đề:

- (a) Đứa con lưu lạc
- (b) Đàn con mồ côi
- (c) Người mẹ hạnh phúc
- (d) Sắp có cơn giông
- (e) Mưa to rồi.

Mỗi HS tùy chọn vẽ một bố cục đó đem về nhà.

.....

**Những việc làm trên đã giúp học sinh
nhận ra khái niệm
SẮP XẾP hoặc BỐ CỤC
Nay cần củng cố bằng
LUẬT THƠ ĐƯỜNG
như cái mẫu chung cho tác phẩm thơ văn**

.....

KẾ HOẠCH GIỜ HỌC: BÀI LUẬT BỐ CỤC

Vật liệu nghiên cứu: bài Qua đèo Ngang của bà Huyện Thanh Quan

Qua đèo Ngang

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

Bà Huyện Thanh Quan

Việc 0 – Khởi động bằng thao tác đọc

GV – Các em đọc to đồng thanh bài thơ (2 lần – khuyến khích các em thuộc dẫn bài thơ)

GV – Các em đọc thầm bài thơ và lấy bút chì gạch dưới từ nào em không hiểu.

.....

Việc yêu cầu “ghi lại các từ khó hiểu” là một cái mồi để yêu cầu HS đọc thầm. Yêu cầu là làm cho các em học thuộc lòng bài thơ ngay ở lớp.

GV ghi bảng các từ ngữ HS “không hiểu”, nhưng cố ý ghi các từ cần nhấn lên bảng, đừng sợ các em thắc mắc tại sao cô không ghi từ mình đưa ra: đèo Ngang, bóng xế tà, tiêu vài chú, chợ mấy nhà, con quốc quốc, cái gia gia

.....

.....

HS sẽ đưa ra vô số từ các em nghĩ là không hiểu. Nếu giảng từng từ, thì biến HS lớp 4 thành học sinh lớp 2 – mà ngay lớp 2 cũng phải học từ theo cách khác – và chắc chắn là hết 40 phút cũng không giảng nghĩa hết các từ, còn giờ Văn thì trôi đi mất. Do đó cách tiến hành học từ theo lối thơ sẽ diễn ra bằng những cảm nhận (chứ không bằng định nghĩa) như sau.

.....

Việc 1 – Cảm nhận tứ thơ (hai câu “đề”)

GV – Các em đã đọc thâm bài thơ rồi, bây giờ làm việc để hiểu hai câu thơ đầu. Em nào đọc to hai câu đầu?

(Một vài HS đọc, giả định là em còn ngắc ngứ...)

GV – Bạn Đ và bạn H bạn M đọc như vậy, chưa phải là tác giả tự đọc thơ của mình... Chúng mình tưởng tượng chính chúng mình là tác giả, mình đọc thơ mình làm ra, thì phải thế nào nhỉ? Có thích cô đọc mẫu một lần không?

GV – Cô đọc cho các em bắt chước nhé...

- *(cô đứng giang hai tay nhìn quanh như đứng trước cảnh rộng lớn của trời đất khi đọc câu 1 – cô chỉ tay vào dưới chân, xung quanh khi đọc câu 2) Cô đứng trên đỉnh đèo Ngang đây... xa lắm... và lúc này chiều xuống... cô đọc này (đọc câu 1)*
- *(cô dừng lại, nói như là băng quơ) đến đèo Ngang đã xa oi là xa... lại vừa lúc mặt trời sắp lặn... trời sắp tối rồi... bài thơ nói là bóng xế tà, bóng xế tà, bóng xế tà... các em cùng nhắc lại (HS: đồng thanh “bóng xế tà...”) Nghe cô đọc lại nhé (đọc lại câu 1 và làm tiếp động*

tác chỉ hoa, cỏ lá cây xung quanh – đọc tiếp câu 2 rồi đọc cả 2 câu).

- Bây giờ cô mời các em đọc lại hai câu thơ đó như là thơ của chính em là tác giả đã làm ra... Chú ý đọc xong, cô sẽ hỏi ý kiến các em là nhà thơ, yêu cầu nói lại cảnh vật em nhìn thấy khi tới đèo Ngang ra sao...

Đáp án: *những cảm giác về cảnh vật chứ không phải là miêu tả cảnh vật*

HS1 – Em đứng ở một nơi trên đèo cao

HS2 – Ở đây chỉ có cỏ cây hoa lá mọc chen vào với đá...

HS3 – Ở đây chẳng có ai hết...

HS4 – Vắng quá!

HS5 – Em thấy buồn...

HS6 – Em nhìn xa xa thấy mặt trời đang lặn.

HS7 – Em thấy trời tối quá

HS8 – Trời sắp tối rồi, mà em ở đây có một mình thôi...

Lời dặn của người thiết kế:

Nếu HS nói “sai”, nói “trái ý”, nói “xa đề”... cũng không dừng lại uốn nắn. Nếu HS đòi biết “đèo Ngang” ở đâu, cũng không cần trả lời (và trong thực tiễn thực nghiệm, chưa bao giờ thấy học sinh hỏi đèo Ngang ở đâu – chúng ta chỉ cần cho các em thấy đèo Ngang ở xa lắm, và thế là đủ).

GV – (sơ kết việc 1 – *Cảm hứng – Luật thơ: ĐỀ*) Tại sao tác giả lại viết bài thơ này?

(Từng em HS nói các ý của mình – chắc chắn không em nào nói vì mình đang vui nên đặt bút viết ra bài thơ này – mặc dù vậy GV có thể củng cố thêm bằng mấy nét nhấn mạnh sau:

GV – (tiếp tục sơ kết việc 1 – *Cảm hứng – Luật thơ: ĐỀ*) Ý nghĩ gì... Cảm hứng gì làm cho tác giả viết bài thơ này?

(Từng em nói các ý riêng của mình – các em nói tới một cái nguyên do nào đó khiến chính em đặt bút viết ra bài thơ này – GV cảm ơn các em như cảm ơn một nhà thơ, rồi sơ kết:

GV – Chúng ta đang học về luật thơ (Ghi bảng chữ to: *Cảm hứng* → Hai câu đầu → *ĐỀ*). Các em tự ghi vào cạnh bài thơ đầu là phần đề của bài thơ.

GV – (kiểm soát kết quả sơ kết việc 1 – *Cảm hứng – Luật thơ: ĐỀ*) Em cho biết khi em đứng trước cảnh mặt trời lặn ở đèo Ngang, em có ý nghĩ gì khiến em có cảm hứng viết hai câu đầu của bài thơ? (*HS nói, GV đừng sợ các em nói lặp lại ý kiến đã nói trước đó, chỉ cảm ơn em đã nói*)

GV – (tiếp tục kiểm soát kết quả sơ kết việc 1 – *Cảm hứng – Luật thơ: ĐỀ*) Em cho biết theo luật thơ cổ điển, hai câu đầu nói cảm hứng thơ đó có tên là gì?

Việc 2 – Cảm nhận ý thơ (hai câu “thực”)

GV – Các em đã biết trong bài thơ cổ điển, luật hai câu đầu có tên là *ĐỀ*. Phần *ĐỀ* diễn tả cái gì? (*cái cảm hứng, cái ý hiện ra ngay từ đầu khiến ta phải làm thơ...*) Sau khi đã nói cảm hứng trong phần *ĐỀ*, cần nói rõ thêm để ai ai

cũng thấy rõ ý của mình – trong luật thơ hai câu đó từ xưa đặt tên là phần **thực**. Các em đọc hai câu đó trong vai tác giả: các em *nhìn thấy gì* ở cảnh vật xa hơn chỗ em đang đứng...

(Từng em HS đọc và GV hướng dẫn cho các em:

- Đọc thuộc lòng hai câu
- Đọc và diễn tả xa xa có mấy bác *tiều phu* hoặc người vào rừng đốn củi
- Đọc và diễn tả xa xa có mấy ngôi nhà lúa thừa (thừa thớt, lác đác) của một xóm nghèo

Nhưng quan trọng nhất là bộc lộ cảm xúc trước những cảnh đang hình dung khi đọc hai câu thơ **thực**

(GV bổ sung trên bảng phần **thực** của bộ luật thơ cổ điển)

GV – (*nói phần **đề** với phần **thực***) Cô mời các em đọc cả bốn câu của phần **Đề** và phần **Thực**. Chúng ta thi nhau đóng vai nhà thơ Bà Huyện Thanh Quan đến đèo Ngang, dừng chân lại nghỉ ngắm cảnh và làm thơ...

(Từng em đọc và diễn xuất như thể chính các em là nhà thơ).

Việc 3 – Cảm nhận ý thơ (hai câu “luận”)

GV – Các em đã biết luật thơ cổ điển có phần **đề**, có phần **thực**. Bây giờ sang phần thứ ba của luật thơ cổ điển. Cô sẽ giúp các em tìm hiểu xem phần đó có nhiệm vụ gì trong bài thơ. Trong hai câu này, các em chú ý những từ gì nào?

(Đó là từ *nhớ nước* và từ *thương nhà* – có em chú ý đến *cuộc cuộc* và *gia gia* cũng chẳng sao – GV sẽ dễ gắn chúng với nhau.

- GV gắn *nhớ nước* và hình ảnh con chim cuốc: thời Bà Huyện Thanh Quan làm bài thơ này, nước ta không như ngày nay... Các em tưởng tượng và hình dung con đường dài từ Hà Nội vào đèo Ngang như thế nào? (*HS có quyền dùng tưởng tượng hoang đường (học từ lớp 2) để nói ý mình*).
- Con chim cuốc như thế nào, cô kể các em nghe. Đó là con chim nhỏ, gầy, hay chui lủi ở bờ bãi, và khi kêu thành tiếng “*cuốc cuốc*” (cô mà bắt chước đúng thì tuyệt vời!) – người ta gắn con chim đó với chuyện một ông vua bên Tàu bị bắt đi tù xa nước nhà, khi chết biến thành con chim cuốc – Các em đã học từ Hán – Việt: “quốc” là gì? Vậy kêu “*cuốc cuốc*” (“*quốc quốc*”) có ý nghĩa gì?
- Các em hãy hình dung mình là nhà thơ Bà Huyện Thanh Quan đứng nhìn về “tổ quốc” ở Hà Nội và nghĩ gì khi làm ra câu thơ *Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc*...
- Còn từ hợp nghĩa Hán Việt *quốc gia* được ghép bằng hai từ đơn gì? (“quốc” và “gia” là nước và nhà, nhớ nước và thương nhà...)
- Cô kể các em nghe nhé: ở vùng núi nước ta có con chim *đa đa* ở vùng đèo Ngang, phát âm là chim *gia gia*

Bây giờ các em đọc hai câu thơ theo luật có tên là **luận** – đọc và diễn tả nỗi nhớ nước, nhớ nhà của nhà thơ...

(Từng em HS đọc và GV hướng dẫn cho các em:

- Đọc thuộc lòng hai câu, nói tới “nước” và “nhà” thì phải thể hiện sự xa xôi của hai sự vật đó...

- Đọc thuộc lòng cả sáu câu với diễn cảm như là tâm trạng nhà thơ theo hình dung của từng em...

Việc 4 – Cảm nhận phần “kết” và toàn bộ bài thơ)

GV – Các em đọc hai câu **kết** đi (ghi bảng cho đủ bộ luật thơ cổ điển).

(GV cho HS đọc đi đọc lại nhiều lần hai câu kết rồi đọc cả bài)

GV – Mời các em đọc hai câu kết và diễn tả tâm sự của nhà thơ bằng một cử chỉ.

(để nói sự cô đơn, dĩ nhiên)

GV – Mời các em đọc cả bài thơ và diễn tả tâm sự nhà thơ bằng những cử chỉ phù hợp với từng đoạn **đề, thực, luận** và **kết**.

(để nói được tâm trạng chung, nhưng trung tâm là sự cô đơn, nhớ nhà – HS có thể diễn đạt, ví dụ)

HS1 – Nhà thơ chỉ có một thân một mình không có ai là bạn.

HS2 – Nhà thơ nhớ quê nhớ nhà quá mà không về được.

HS3 – Em không hiểu nổi vì sao nhà thơ lại phải đi xa nhà thế?

HS4 – Em thích nhất hai câu thơ, em xin đọc diễn cảm và làm động tác nữa: “*Dừng chân đứng lại, trời, non, nước – Một mảnh tình riêng ta với ta*”.

Việc 5 – Bài luyện tập cuối tiết

GV – Mời các em làm bài tập cuối tiết.

Bắt buộc:

- Em đặt tên khác cho bài thơ

(Các đáp án có thể có: *Nỗi buồn – Xa nhà – Nhớ nhà – Nhớ quê hương – Nhớ nước nhớ nhà – Cô đơn nơi xa – Một thân một mình nơi đèo Ngang...*)

Chú ý tiếp nhận các cách đặt tên – vì có em đặt cái tên ta nghĩ là “xa đẽ” nhưng thực ra là trùng với liên tưởng của em...)

- Em nhớ nhất câu thơ nào thì tự ghi vào vở (HS tự do chọn, khuyến khích các em không chép mà nhớ và ghi lại).

Không bắt buộc:

- Em vẽ một bức tranh tả cảnh hoang vu ở đèo Ngang và chú thích bằng hai câu thơ trong bài thơ “Qua đèo Ngang”
 - Em viết một lá thư cho Bà Huyện Thanh Quan nói những ý nghĩ của em sau khi học bài thơ “Qua đèo Ngang”
 - Lập một nhóm và nghĩ ra một vở kịch thật ngắn về cuộc gặp gỡ giữa Bà Huyện Thanh Quan và một bác tiểu phu.
- Phần thiết kế bài học cho sách lớp 4 cho các thể loại khác chúng tôi đã chủ động làm kỹ lưỡng ở sách giáo khoa, mời các bạn dùng sách như công cụ của thầy và trò để làm ra giờ học của chính các em.

.....

Văn lớp 5 sẽ học gì?
Văn lớp 5 sẽ học như thế nào?

.....

LỚP 5



Bạn thân mến,

Tới đây, bạn đã nắm được chuỗi công việc HỌC VĂN của học sinh tiểu học theo cách học dự kiến và khởi xướng bởi nhóm Cánh Buồm.

Ở lớp 1, trẻ em tự tạo lòng đồng cảm coi như cơ sở của tình cảm mỹ học cần thiết cho hoạt động nghệ thuật – cái tình cảm động lực đã khiến cho người nghệ sĩ có được cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Xin đừng nghi ngờ hiệu quả mà coi thường trò chơi đóng vai! Trò chơi đóng vai không chỉ hợp với học sinh lớp 1 mà hợp với học sinh các lớp.

Ở lớp 2, trẻ em đem cảm xúc nghệ thuật đó vào công việc tạo ra các hình tượng. Những hình tượng các em tạo ra ở lớp 2 cần phải hết sức đa dạng. Điều cốt lõi là làm sao trẻ em tạo hình tượng như một thú vui, như một hình thức thể dục của tâm hồn bằng thao tác tưởng tượng. Giáo viên chưa nên đòi hỏi các hình tượng phải hoàn toàn có “ý nghĩa”, có “giá trị nghệ thuật”. Lòng đồng cảm sẽ mang lại một ý nghĩa mơ hồ nào đó cho tâm hồn các em.

Lên lớp 3, trẻ em học thao tác liên tưởng. Lúc này, cái hình tượng do các em tạo ra sẽ hàm chứa cả thao tác tưởng tượng và hàm chứa cả lòng đồng cảm. Vì thế, từ đây, hình tượng do các em tạo ra mới bắt đầu thực sự mang tính nghệ thuật, vì nó đã chứa một ý, tức là đã mang trong nó một ẩn dụ.

Lên lớp 4, thao tác sắp xếp (bố cục) sẽ hoàn thiện năng lực nghệ thuật phổ thông của trẻ em. Công việc sắp xếp (bố cục, sắp đặt) đem lại cho tác phẩm một ý tưởng. Do đó, chúng ta có thể định nghĩa lại về CÁI ĐẸP NGHỆ THUẬT tạo ra ở trường phổ thông cho học sinh phổ thông. Đó là cái hình tượng trẻ em tự làm ra theo cảm nhận riêng. Cái đẹp nghệ thuật nhất thiết phải do chủ thể sáng tạo TỰ LÀM RA – cái đẹp nghệ thuật không phải là những bình giảng bóng bẩy nhại lại của kẻ khác.

Trẻ em học sách VĂN của nhóm Cánh Buồm sẽ mang hành trang nghệ thuật gây dựng từ lớp 1 tới lớp 4 đó đi vào lớp 5, kết thúc bậc tiểu học, *bậc học phương pháp học*. Lên lớp 5, các em sẽ mang hành trang am tường nghệ thuật phổ thông để tự tiến hành các hoạt động *Âm nhạc, Nhảy múa, Tạo hình, Tự sự, Trữ tình, Kịch*.

I. Yêu cầu chung

- Nhiệm vụ của năm học: Các dạng hoạt động nghệ thuật.
- Mục tiêu: Dùng cái *ngữ pháp* đã chiếm lĩnh được ở các lớp trước để tự tạo ra những cách *biểu đạt nghệ thuật* khác nhau.
- Thời lượng: 4 tiết / tuần.

II. Cách tổ chức giờ học

1. Tổ chức tiếp cận các dạng hoạt động nghệ thuật

Để trẻ em tiếp cận các loại hình nghệ thuật, chúng ta cũng không giảng giải rằng con người có những loại hình nghệ thuật nào, mỗi loại hình đó có đặc điểm như thế nào... Điều đó với trẻ em là rất mơ hồ.

Vậy làm thế nào? Vẫn chỉ một nguyên tắc: trẻ em làm ra các sản phẩm nghệ thuật bằng các cách biểu đạt khác nhau.

Tổ chức việc làm cho học sinh như thế nào?

- Việc 1: Cho các em một bài ca dao, ví dụ:

*Anh đi anh nhớ quên nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao*

- Việc 2: Yêu cầu học sinh diễn đạt bài ca dao bằng những cách biểu đạt khác (vẽ, kịch, sắp đặt, hát, múa...) – tùy theo sự lựa chọn của các em, có thể làm theo nhóm hoặc làm một mình.

- Việc 3: Học sinh biểu diễn, thể hiện, trưng bày tác phẩm của mình.

Giáo viên gần như không giảng giải gì, chỉ tổ chức cho các em làm lại bài ca dao trong những cách diễn đạt khác đi. Học sinh thực sự tạo ra các tác phẩm nghệ thuật thuộc các loại hình khác nhau, từ đó mà hiểu rằng có nhiều loại hình nghệ thuật.

2. Tổ chức hoạt động theo các loại hình nghệ thuật

- Các chủ đề, các hoạt động của việc học đã được chúng tôi trình bày kỹ ở sách giáo khoa đủ để người dạy giao việc cho con em mình, tổ chức cho các em làm các việc đó và tổ chức cho các em trưng bày, thể hiện sản phẩm mình làm ra.
- Nhóm Cánh Buồm để ngỏ các kế hoạch giờ học vì sự hình dung về nó rất mở, rất phong phú, rất đa dạng mà không có một kịch bản chung nào. Dưới bàn tay tổ chức của thầy cô, các em sẽ có những giờ học tự mình làm ra cái đẹp nghệ thuật theo đúng sở thích, sở trường, tâm hồn, tình cảm, suy nghĩ... của các em.
- Một số lưu ý như là nguyên tắc chung trong việc tổ chức các dạng hoạt động nghệ thuật cho học sinh:
 - Không hướng tới cái hàn lâm mà mục đích là các em có được tư duy nghệ thuật ở mức phổ thông, cho các em học lại những cái phổ thông nhất của loài người cho nên cách lựa chọn hình thức biểu đạt phức tạp. Chẳng hạn, ở âm nhạc, các em chỉ

học về nhịp, về giai điệu và về hòa âm. Đồng thời đó là tôn trọng sự vừa đủ của sự phạm, chỉ học những cái tiết kiệm tối đa cho người học.

- Không đánh giá sản phẩm nghệ thuật của các em theo đòi hỏi của người làm nghề chuyên nghiệp. Các em không học để thành họa sĩ, thành nhà thơ, thành diễn viên múa... mà các em học cách biểu đạt tâm hồn mình theo nhiều hình thức khác nhau. Các em đánh nhịp bằng cơ thể mình, nghe giai điệu bằng tâm hồn mình... đừng sợ các em đánh sai, nghe sai.
- Hoạt động học không còn bó buộc theo tiết và theo không gian phòng học. Các em được tổ chức hoạt động ở những không gian phù hợp, chẳng hạn, khi học về hoạt động múa phải có hình thức múa vui tập thể, lúc ấy hãy đốt một đồng lửa cho các em nhảy múa, hoặc có thể là ở sân trường, ở bìa rừng, ở bờ biển... cho các em vui đùa cùng gió, cùng nắng, cùng ánh sao đêm... Nên nhớ nhà trường hiện đại là nhà trường của cuộc sống thực. Cũng như môn Lối sống không phải là những bài học lối sống trên sách vở mà là lối sống của chính các em trong lớp học của em, gia đình của em, tổ dân phố của em...
- Bài tập lớn cuối năm lớp 5 cũng là hoạt động tổng kết một quãng đời học nghệ thuật của các em, chúng tôi gợi ý các bạn cho các em tổ chức một đêm kịch, chẳng hạn vở kịch “Chú lính chì”. Các em làm những việc sau:

- Phân công: Phụ trách tiếng động, phụ trách trang phục, phụ trách âm nhạc, phụ trách tạo hình...
- Công diễn
- Triển lãm (viết bài, thơ, tranh, ảnh, phim, biên bản...)

Như vậy tất cả những gì các em đã học đều được thể hiện một cách vui vẻ và có văn hóa.

Nhóm Cánh Bướm chủ động đề nghị cách thức tiến hành giáo dục nghệ thuật ở lớp 5 cho các giáo viên tự tạo ra cách học cho trẻ em. Nhóm Cánh Bướm hoàn toàn tin rằng lối *dạy học sáng tạo* sẽ có đất phát triển và nở rộ tại chính giai đoạn học nghệ thuật phổ thông này của trẻ em lớp 5.

Đôi lời kết lại...

Bạn thân mến,

Cuốn sách đã cùng các bạn đi qua năm năm đầu đời của các em học sinh ở bậc tiểu học. Các bạn sẽ là người giúp cho các em hiểu nghệ thuật là gì, nghệ thuật là cái mình làm ra, làm ra có mỹ cảm, có rung động, có cảm xúc, và làm theo luật, chứ không phải làm vu vơ, luật đó là luật của ngữ pháp nghệ thuật.

Các bạn nhớ luôn mang theo bên mình cái bí quyết của một nhà sư phạm hiện đại: không giảng giải, nhồi nhét kiến thức, hãy tổ chức việc làm cho các em, các em làm những việc gì sẽ quyết định em trở thành người như thế nào. Tôn trọng người học là hãy để các em tự học, tự giáo dục qua các việc làm như thế.

Tạm biệt bạn!

MỤC LỤC

ĐÔI LỜI VỚI BẠN DÙNG SÁCH	5
TỔNG QUAN VỀ SỰ PHẠM VÀ VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC MÔN VĂN Ở BẬC TIỂU HỌC	9
CÁCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC VĂN THEO CHƯƠNG TRÌNH CÁNH BƯỚM	35
LỚP 1	35
LỚP 2	59
LỚP 3	98
LỚP 4	111
LỚP 5	130

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC
53 Nguyễn Du – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
ĐT: (84-4) 3945 4661 – (84-4) 3944 7279
Fax: (84-4) 3945 4660
Email: lienhe@nxbtrithuc.com.vn
Website: www.nxbtrithuc.com.vn

Tủ sách sử phạm Cảnh Buồm

CẨM NANG SỬ PHẠM

Tập 3

MÔN VĂN

(Bậc tiểu học – Chương trình Giáo dục hiện đại)

Biên soạn: Phạm Toàn
Nguyễn Thị Thanh Hải, và Đinh Phương Thảo

Chịu trách nhiệm xuất bản
CHU HẢO

Biên tập: TRƯƠNG ĐỨC HÙNG
Thiết kế bìa: HÀ DŨNG HIỆP
Trình bày: TRẦN THỊ TUYẾT

In 1.000 bản, khổ 13x20,5cm.
Tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.
Giấy đăng ký KHXB số 1533-2013/CXB/2-25/TrT.
QĐXB số 63/QĐLK – NXB TrT ngày 28/10/2013.
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2013.